

Hướng dẫn sử dụng

RT-AX52

**Router Băng Tần Kép Wireless-AX
Wi-Fi 6**



VN23211

Phát hành lần thứ nhất

Tháng 2 2024

Bản quyền © 2024 ASUSTeK Computer Inc. Bảo lưu mọi bản quyền.

Không có phần nào trong sổ tay này kể cả các sản phẩm và phần mềm mô tả trong đó được phép tái bản, truyền tải, sao chép, lưu trữ vào hệ thống tìm kiếm, hoặc dịch sang bất kỳ ngôn ngữ nào dưới mọi hình thức hay phương tiện mà không có sự cho phép bằng văn bản rõ ràng từ ASUSTeK Computer Inc. ("ASUS"), ngoại trừ tài liệu được lưu giữ bởi người mua vì các mục đích sao lưu dự phòng.

Chế độ bảo hành hoặc dịch vụ dành cho sản phẩm sẽ mất hiệu lực nếu: (1) sản phẩm bị sửa chữa, thay đổi hoặc chỉnh sửa, ngoại trừ các trường hợp sửa chữa, thay đổi hoặc chỉnh sửa được ASUS cho phép rõ bằng văn bản; hoặc (2) số seri của sản phẩm bị thiếu hoặc xóa sửa.

ASUS CUNG CẤP SỔ TAY NÀY "NHƯ HIỆN TRẠNG" MÀ KHÔNG ĐẢM BẢO DƯỚI MỌI HÌNH THỨC, DÙ LÀ NÓI RÕ HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC HÌNH THỨC BẢO HÀNH NGỤ Ý HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HAY TÍNH TƯƠNG THÍCH CHO MỘT MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, ASUS CŨNG NHƯ CÁC GIÁM ĐỐC, QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN HOẶC ĐẠI LÝ CỦA CÔNG TY SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ MỌI THIẾT HẠI GIÁN TIẾP, THIẾT HẠI ĐẶC BIỆT, THIẾT HẠI BẤT NGỜ HOẶC THIẾT HẠI DO HẬU QUẢ (KỂ CẢ CÁC THIẾT HẠI VỀ VIỆC MẤT LỢI NHUẬN, KINH DOANH THUA LỖ, MẤT QUYỀN SỬ DỤNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, CÔNG VIỆC KINH DOANH BỊ GIÁN ĐOẠN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP TƯƠNG TỰ), NGAY CẢ KHI ASUS ĐÃ ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC THIẾT HẠI TRÊN DO BẤT KỲ SAI SÓT HOẶC LỖI NÀO TRONG SỔ TAY HOẶC SẢN PHẨM NÀY.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ THÔNG TIN TRONG SỔ TAY NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP CHỈ ĐỂ THAM KHẢO VÀ CÓ THỂ THAY ĐỔI BẤT CỨ LÚC NÀO MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO CŨNG NHƯ KHÔNG THỂ ĐƯỢC XEM LÀ CAM KẾT CỦA ASUS. ASUS KHÔNG CÓ TRÁCH NHIỆM HOẶC NGHĨA VỤ VỀ MỌI LỖI HOẶC SAI SÓT CÓ THỂ XUẤT HIỆN TRONG SỔ TAY NÀY, KỂ CẢ CÁC SẢN PHẨM VÀ PHẦN MỀM MÔ TẢ TRONG SỔ.

Các sản phẩm và tên công ty xuất hiện trong sổ tay này có thể hoặc không thể là các thương hiệu hoặc bản quyền được đăng ký từ các công ty riêng liên quan, và chỉ được sử dụng để nhận dạng hay chú thích và vì lợi ích của những công ty sở hữu, mà không có mục đích vi phạm.

Mục lục

1 Tìm hiểu router không dây của bạn

1.1	Chào mừng!	6
1.2	Phụ kiện kèm theo sản phẩm	6
1.3	Router không dây của bạn	7
1.4	Bố trí router của bạn	9
1.5	Yêu cầu thiết lập	10
1.6	Thiết lập router	11
1.6.1	Kết nối mạng có dây	12
1.6.2	Kết nối mạng không dây	13

2. Bắt đầu sử dụng

2.1	Đăng nhập vào GUI web	14
2.2	Thiết lập internet nhanh (QIS) với khả năng tự phát hiện	15
2.3	Kết nối mạng không dây	19

3 Định cấu hình Cài đặt chung và nâng cao

3.1	Quản lý	20
3.1.1	Chế độ hoạt động	20
3.1.2	Hệ thống	21
3.1.3	Nâng cấp firmware	22
3.1.4	Phục hồi/Lưu/Tải lên Cài đặt	22
3.2	Tường lửa	23
3.2.1	Cài đặt chung	23
3.2.2	Bộ lọc URL	23
3.2.3	Bộ lọc từ khóa	24
3.2.4	Bộ lọc dịch vụ mạng	25
3.3	Mạng khách	27
3.4	IPv6	29
3.5	LAN	30
3.5.1	LAN IP	30

Mục lục

3.5.2	Máy chủ DHCP.....	31
3.5.3	Route (Định tuyến)	33
3.5.4	IPTV	34
3.6	Sơ đồ mạng	35
3.6.1	Thiết lập cài đặt bảo mật không dây	36
3.6.2	Quản lý các thiết bị khách nối mạng	37
3.7	Kiểm soát cha mẹ	38
3.8	Nhật ký hệ thống	40
3.9	Quản lý lưu lượng.....	41
3.9.1	Quản lý băng thông QoS (Chất lượng dịch vụ)	41
3.10	Bộ giám sát lưu lượng.....	44
3.11	WAN	45
3.11.1	Kết nối internet	45
3.11.2	Kích hoạt cổng	48
3.11.3	Máy chủ ảo/Chuyển tiếp cổng	50
3.11.4	DMZ.....	53
3.11.5	DDNS	54
3.11.6	Truyền qua NAT.....	55
3.12	Không dây.....	56
3.12.1	Chung.....	56
3.12.2	WPS	59
3.12.3	Cầu nối	61
3.12.4	Bộ lọc MAC không dây	63
3.12.5	Cài đặt RADIUS	64
3.12.6	Chuyên nghiệp	65

Mục lục

4 Tiện ích

4.1 Phát hiện thiết bị..... 68

4.2 Phục hồi firmware..... 69

5 Khắc phục sự cố

5.1 Khắc phục sự cố cơ bản 71

5.2 Những câu hỏi thường gặp (FAQs) 74

Phụ lục

Thông báo..... 84

Thông tin an toàn..... 100

Dịch vụ và Hỗ trợ..... 102

1 Tìm hiểu router không dây của bạn

1.1 Chào mừng!

Cảm ơn bạn đã mua router không dây ASUS RT-AX52!

Router RT-AX52 siêu mỏng và thời trang tích hợp cả hai băng tần kép 2.4GHz và 5GHz cho phép truyền đồng thời các nội dung HD không dây chất lượng vượt trội và Công nghệ Mạng Xanh ASUS - cung cấp giải pháp tiết kiệm điện đến 70%.

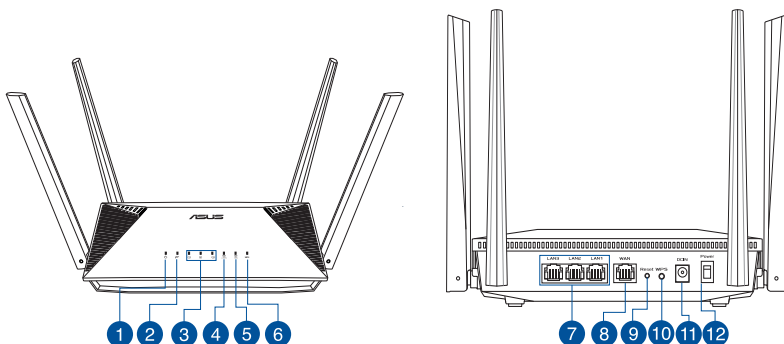
1.2 Phụ kiện kèm theo sản phẩm

- | | |
|--|---|
| ☒ Router không dây RT-AX52 | ☒ Cáp mạng (RJ-45) |
| ☒ Adapter AC (điện xoay chiều) | ☒ Hướng dẫn khởi động nhanh |

GHI CHÚ:

- Nếu bất kỳ phụ kiện nào bị hỏng hoặc thiếu, hãy liên hệ với ASUS để được hỗ trợ và tư vấn về kỹ thuật; Tham khảo danh sách Đường Dây Nóng Hỗ Trợ ASUS ở mặt sau sổ hướng dẫn sử dụng này.
 - Giữ lại hộp đựng gốc phòng khi sau này bạn cần đến các dịch vụ bảo hành như sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm.
-

1.3 Router không dây của bạn



-
- 1 Đèn LED nguồn**
Tắt: Không có nguồn.
Bật: Thiết bị đã sẵn sàng.
Nhấp nháy chậm: Chế độ cứu nguy.
-
- 2 Đèn LED WAN (Internet)**
Dỏ: Không có địa chỉ IP hoặc kết nối vật lý.
Bật: Có kết nối vật lý với mạng diện rộng (WAN).
-
- 3 Đèn LED mạng LAN**
Tắt: Không có nguồn hoặc kết nối vật lý.
Bật: Có kết nối vật lý với mạng cục bộ (LAN).
-
- 4 Đèn LED 2.4GHz**
Tắt: Không có tín hiệu 2.4GHz.
Bật: Hệ thống không dây đã sẵn sàng.
Nhấp nháy: Đang truyền hoặc nhận dữ liệu qua kết nối không dây.
-
- 5 Đèn LED 5GHz**
Tắt: Không có tín hiệu 5GHz.
Bật: Hệ thống không dây đã sẵn sàng.
Nhấp nháy: Đang truyền hoặc nhận dữ liệu qua kết nối không dây.
-
- 6 Đèn LED WPS**
Tắt: Không có kết nối WPS.
Bật: Chế độ WPS.
Nhấp nháy: Trình hướng dẫn cài đặt WPS đang chạy.
-

7	Cổng LAN 1 ~ 3 Cắm cáp mạng vào các cổng này để thiết lập kết nối LAN.
8	Cổng WAN (Internet) Cắm cáp mạng vào cổng này để thiết lập kết nối WAN.
9	Nút khởi động lại Nút này cho phép cài lại hoặc phục hồi hệ thống về cài đặt mặc định gốc.
10	Nút WPS Nút này sẽ bật Thuật sĩ WPS.
11	Cổng nguồn (DCIN) Cắm adapter AC kèm theo vào cổng này và kết nối router với nguồn điện.
12	Nút nguồn Nhấn nút này để bật hoặc tắt nguồn hệ thống.

GHI CHÚ:

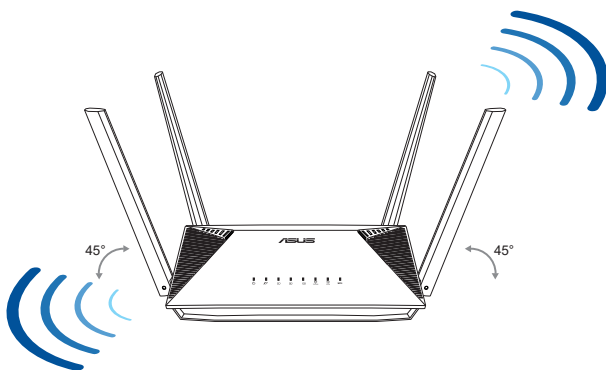
- Chỉ nên sử dụng adapter kèm theo gói sản phẩm của bạn. Sử dụng các adapter khác có thể làm hỏng thiết bị.
- Thông số kỹ thuật:**

Adapter nguồn DC	Đầu ra DC: +12V với dòng điện tối đa 1A		
Nhiệt độ hoạt động	0~40°C	Bảo quản	0~70°C
Độ ẩm hoạt động	50~90%	Bảo quản	20~90%

1.4 Bố trí router của bạn

Để truyền tín hiệu không dây tối ưu giữa router không dây và các thiết bị mạng đã kết nối với router, đảm bảo bạn:

- Đặt router không dây ở khu vực trung tâm để phủ sóng mạng không dây tối đa cho các thiết bị mạng.
- Đặt thiết bị cách xa các vật cản kim loại và xa ánh sáng trực tiếp từ mặt trời.
- Đặt thiết bị cách xa các thiết bị Wi-Fi 802.11g hoặc 20MHz, thiết bị ngoại vi máy tính 2.4GHz, thiết bị Bluetooth, điện thoại di động, máy biến áp, động cơ công suất cao, đèn huỳnh quang, lò vi sóng, tủ lạnh và các thiết bị công nghiệp khác để phòng tránh nhiễu hoặc mất tín hiệu.
- Luôn cập nhật lên firmware mới nhất. Truy cập trang web ASUS tại **<http://www.asus.com>** để tải các bản cập nhật firmware mới nhất.



1.5 Yêu cầu thiết lập

Để thiết lập mạng không dây, bạn cần dùng máy tính đáp ứng các yêu cầu hệ thống sau:

- Cổng ethernet RJ-45 (LAN) (10Base-T/100Base-TX/1000BaseTX)
- Chuẩn không dây IEEE 802.11a/b/g/n/ac/ax
- Dịch vụ TCP/IP đã cài đặt
- Trình duyệt web như Internet Explorer, Firefox, Safari hoặc Google Chrome

GHI CHÚ:

- Nếu máy tính không tích hợp các tính năng không dây, bạn có thể lắp đặt adapter WLAN IEEE 802.11a/b/g/n/ac/ax vào máy tính để kết nối mạng.
 - Tích hợp công nghệ hai băng tần, router không dây của bạn hỗ trợ đồng thời các tín hiệu không dây 2.4GHz và 5GHz. Điều này cho phép bạn thực hiện các hoạt động liên quan đến internet như lướt web hoặc đọc/viết email qua băng tần 2.4GHz trong khi truyền đồng thời các file âm thanh/video HD như phim hoặc nhạc qua các băng tần 5GHz.
 - Một số thiết bị IEEE 802.11n mà bạn muốn kết nối với mạng có thể hoặc không thể hỗ trợ băng tần 5GHz. Tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị để biết các thông số kỹ thuật.
 - Cáp ethernet RJ-45 dùng để kết nối các thiết bị mạng không được dài quá 100 mét.
-

1.6 Thiết lập router

QUAN TRỌNG!

- Sử dụng kết nối có dây khi thiết lập router không dây để tránh các sự cố thiết lập có thể xảy ra.
 - Trước khi thiết lập router không dây ASUS, hãy thực hiện như sau:
 - Nếu bạn đang thay thế router hiện có, hãy ngắt kết nối nó khỏi mạng.
 - Ngắt kết nối cáp/dây điện khỏi thiết lập modem hiện có của bạn. Nếu modem của bạn có pin dự phòng, hãy tháo nó.
 - Khởi động lại modem có dây và máy tính của bạn (khuyến dùng).
-

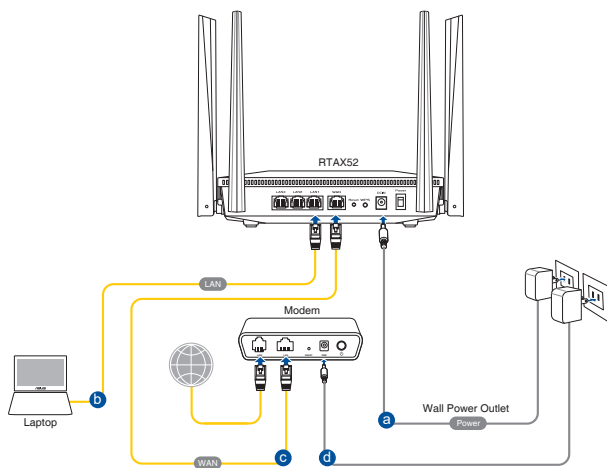


CẢNH BÁO!

- Phải cắm (các) dây bộ nguồn vào (các) ổ cắm điện có nối đất phù hợp. Chỉ kết nối thiết bị với ổ cắm điện gần đó nơi bạn dễ tiếp cận.
 - Nếu adapter nguồn bị hỏng, không được tự ý sửa chữa nó. Liên hệ với nhân viên bảo trì chuyên nghiệp hoặc đại lý bán lẻ của bạn.
 - KHÔNG sử dụng các dây điện, thụ kiện hoặc các thiết bị ngoại vi khác bị hỏng.
 - KHÔNG gắn thiết bị này lên cao hơn 2 mét.
 - Sử dụng sản phẩm này trong các môi trường có nhiệt độ xung quanh từ 0°C (32°F) đến 40°C (104°F).
-

1.6.1 Kết nối mạng có dây

LƯU Ý: Bạn có thể sử dụng cáp thẳng suốt hoặc cáp chéo để kết nối mạng có dây.



Để thiết lập router không dây qua kết nối có dây:

1. Cắm adapter AC của router không dây vào cổng DCIN và cắm nó vào ổ cắm điện trên tường.
2. Sử dụng cáp mạng kèm theo để kết nối máy tính với cổng LAN trên router không dây của bạn.

QUAN TRỌNG! Đảm bảo đèn LED LAN đang nhấp nháy.

3. Sử dụng một cáp mạng khác để kết nối modem với cổng WAN trên router không dây của bạn.
4. Cắm adapter AC của modem vào cổng DCIN và cắm nó vào ổ cắm điện trên tường.

2. Bắt đầu sử dụng

2.1 Đăng nhập vào GUI web

Router không dây ASUS tích hợp giao diện người dùng đồ họa (GUI) web trực quan cho phép bạn dễ dàng định cấu hình nhiều tính năng liên quan qua trình duyệt web như Internet Explorer, Firefox, Safari hoặc Google Chrome.

LƯU Ý: Các tính năng này có thể thay đổi tùy theo phiên bản firmware khác nhau.

Để đăng nhập vào GUI web:

1. Trên trình duyệt web của bạn, hãy tự nhập địa chỉ IP mặc định của router không dây: <http://www.asusrouter.com>.
2. Trên trang đăng nhập, nhập tên đăng nhập mặc định (**admin**) và mật khẩu (**admin**).
3. Giờ bạn có thể sử dụng GUI web để định cấu hình nhiều cài đặt khác nhau của router không dây ASUS.



LƯU Ý: Nếu đang đăng nhập vào GUI web lần đầu, bạn sẽ được tự động chuyển hướng đến trang Thiết lập internet nhanh (QIS).

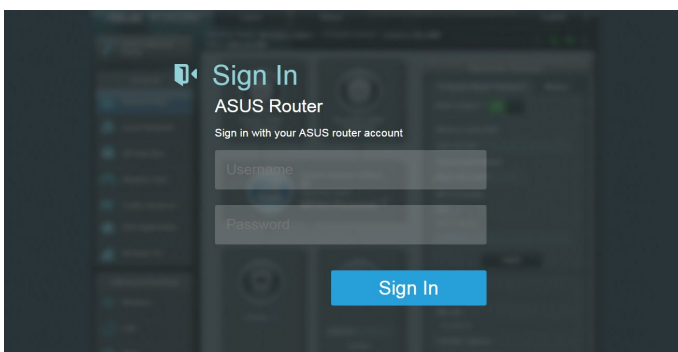
2.2 Thiết lập internet nhanh (QIS) với khả năng tự phát hiện

Chức năng Quick Internet Setup (QIS) (Thiết lập internet nhanh) hướng dẫn bạn cách thiết lập nhanh kết nối internet.

LƯU Ý: Khi thiết lập kết nối internet lần đầu, nhấn nút Reset (Khởi động lại) trên router không dây để thiết lập nó về cài đặt mặc định gốc.

Để sử dụng QIS với khả năng tự phát hiện:

1. Đăng nhập vào GUI (giao diện người dùng đồ họa) web. Trang QIS sẽ tự khởi động.



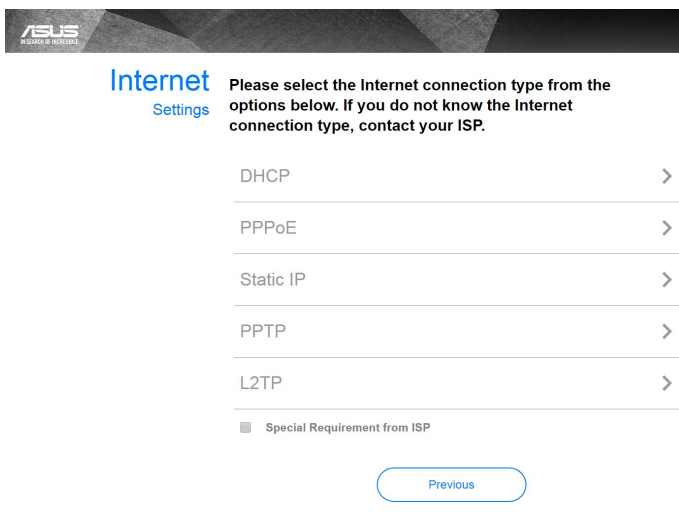
GHI CHÚ:

- Theo mặc định, tên người dùng và mật khẩu đăng nhập cho GUI web của router không dây là **admin**. Để biết chi tiết về cách đổi tên người dùng và mật khẩu đăng nhập cho router không dây của bạn, hãy tham khảo phần **3.1.2 Hệ thống**.
 - Tên người dùng và mật khẩu đăng nhập của router không dây khác với tên mạng (SSID) 2.4GHz/5GHz và khóa bảo mật. Tên người dùng và mật khẩu đăng nhập của router không dây cho phép bạn đăng nhập vào GUI web của router không dây để thiết lập cài đặt cho router không dây. Tên mạng (SSID) 2.4GHz/5GHz và khóa bảo mật cho phép các thiết bị Wi-Fi đăng nhập và kết nối với mạng 2.4GHz/5GHz của bạn.
-

2. Router không dây tự động phát hiện xem loại kết nối ISP (nhà cung cấp dịch vụ internet) của bạn là **Dynamic IP (IP động)**, **PPPoE**, **PPTP**, **L2TP**, và **Static IP (IP tĩnh)**. Nhập các thông tin cần thiết cho loại kết nối ISP của bạn.

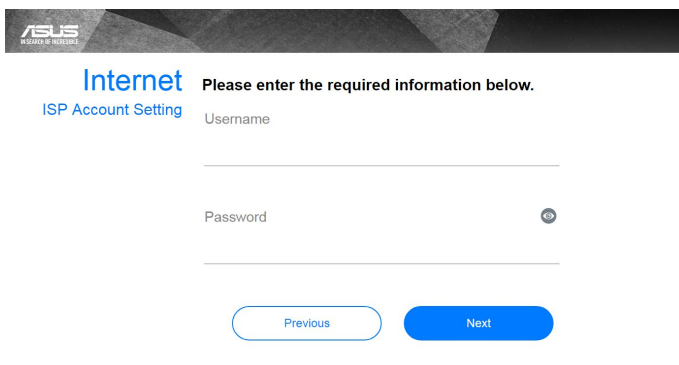
QUAN TRỌNG! Nhận thông tin cần thiết từ ISP của bạn về loại kết nối internet.

về IP tự động (DHCP)



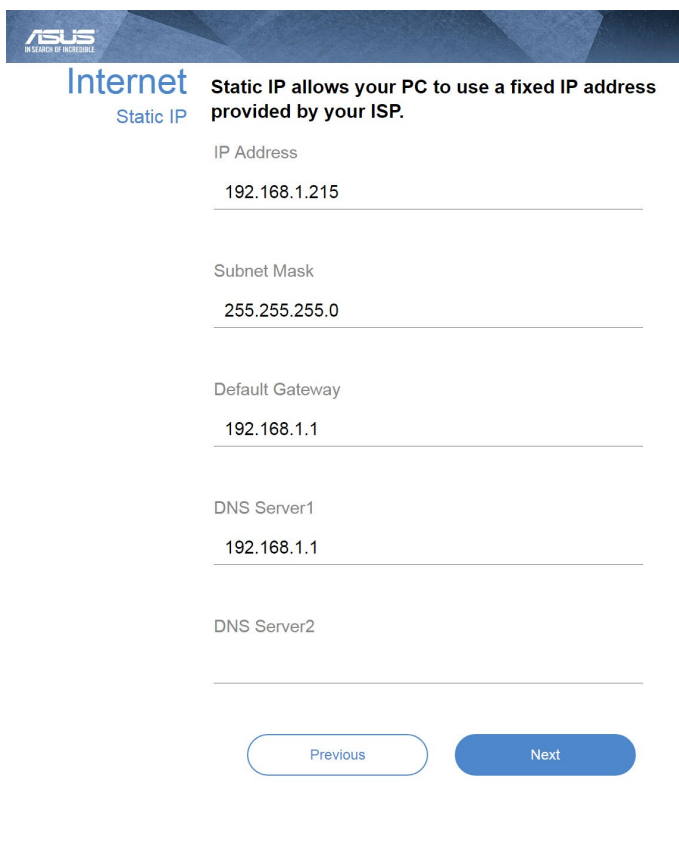
The screenshot shows the 'Internet Settings' page on an ASUS router. The title 'Internet Settings' is in blue. Below it, a message says: 'Please select the Internet connection type from the options below. If you do not know the Internet connection type, contact your ISP.' There is a list of five options, each with a right-pointing arrow: DHCP, PPPoE, Static IP, PPTP, and L2TP. Below the list is a checkbox labeled 'Special Requirement from ISP'. At the bottom right is a 'Previous' button.

về PPPoE, PPTP và L2TP



The screenshot shows the 'Internet Account Setting' page on an ASUS router. The title 'Internet Account Setting' is in blue. Below it, a message says: 'Please enter the required information below.' There are two input fields: 'Username' and 'Password'. The 'Password' field has a toggle icon on the right. At the bottom are two buttons: 'Previous' and 'Next'.

cho IP tĩnh



The image shows a screenshot of the ASUS Internet Static IP configuration interface. At the top left is the ASUS logo with the tagline 'IN SEARCH OF INCREDIBLE'. The main heading is 'Internet' in large blue font, with 'Static IP' in smaller blue font below it. To the right of the heading, a text box states: 'Static IP allows your PC to use a fixed IP address provided by your ISP.' Below this, there are five input fields with labels: 'IP Address' (value: 192.168.1.215), 'Subnet Mask' (value: 255.255.255.0), 'Default Gateway' (value: 192.168.1.1), 'DNS Server1' (value: 192.168.1.1), and 'DNS Server2' (empty). At the bottom, there are two buttons: 'Previous' (outlined) and 'Next' (solid blue).

ASUS
IN SEARCH OF INCREDIBLE

Internet

Static IP

Static IP allows your PC to use a fixed IP address provided by your ISP.

IP Address

192.168.1.215

Subnet Mask

255.255.255.0

Default Gateway

192.168.1.1

DNS Server1

192.168.1.1

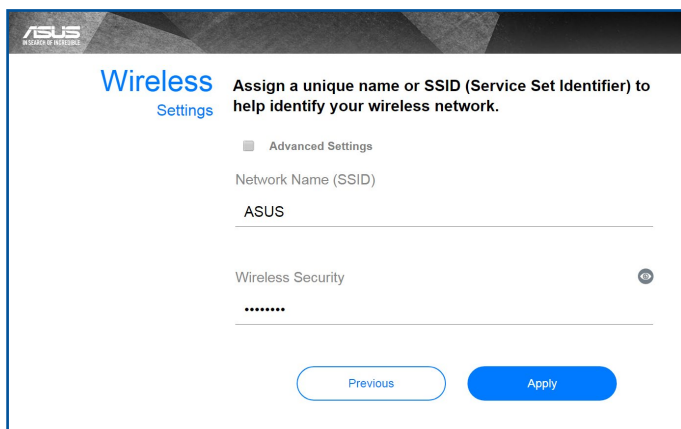
DNS Server2

Previous Next

GHI CHÚ:

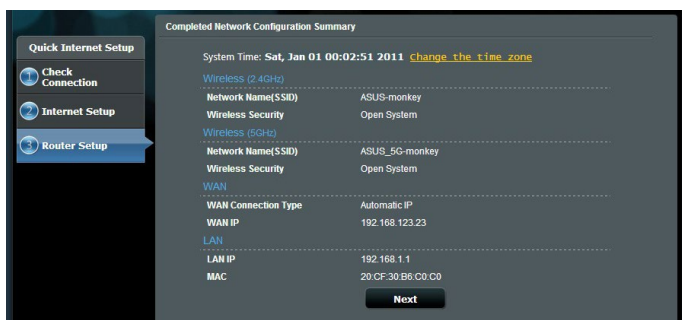
- Tự động phát hiện loại kết nối ISP sẽ xảy ra khi bạn định cấu hình router không dây lần đầu hoặc khi router không dây của bạn được thiết lập về các cài đặt mặc định.
- Nếu QIS không thể phát hiện loại kết nối internet của bạn, hãy nhấp **Skip to manual setting (Chuyển sang cài đặt thủ công)** và tự thiết lập cài đặt kết nối của bạn.

3. Gán tên mạng không dây (SSID) và khóa bảo mật cho kết nối không dây 2.4GHz và 5GHz của bạn. Nhấp **Apply (Áp dụng)** khi hoàn tất.



The image shows the ASUS Wireless Settings interface. At the top, it says "Wireless Settings" and "Assign a unique name or SSID (Service Set Identifier) to help identify your wireless network." There is a checkbox for "Advanced Settings" which is currently unchecked. Below that, the "Network Name (SSID)" field is set to "ASUS". The "Wireless Security" field is masked with asterisks. At the bottom, there are two buttons: "Previous" and "Apply".

4. Các cài đặt internet và không dây của bạn sẽ hiển thị. Nhấp **Next (Kế tiếp)** để tiếp tục.



The image shows the "Completed Network Configuration Summary" screen. On the left, there is a sidebar with "Quick Internet Setup" and three options: "Check Connection", "Internet Setup", and "Router Setup" (which is highlighted). The main area displays the following configuration details:

Completed Network Configuration Summary	
System Time: Sat, Jan 01 00:02:51 2011 change the time zone	
Wireless (2.4GHz)	
Network Name (SSID)	ASUS-monkey
Wireless Security	Open System
Wireless (5GHz)	
Network Name (SSID)	ASUS_5G-monkey
Wireless Security	Open System
WAN	
WAN Connection Type	Automatic IP
WAN IP	192.168.123.23
LAN	
LAN IP	192.168.1.1
MAC	20:CF:30:B6:00:00

At the bottom right, there is a "Next" button.

5. Đọc hướng dẫn kết nối mạng không dây. Khi hoàn tất, nhấp **Finish (Hoàn tất)**.

2.3 Kết nối mạng không dây

Sau khi thiết lập router không dây qua QIS, bạn có thể kết nối máy tính hoặc các thiết bị thông minh khác với mạng không dây.

Để kết nối mạng:

1. Trên máy tính, nhấp biểu tượng mạng  trong vùng thông báo để xem các mạng không dây khả dụng.
2. Chọn mạng không dây bạn muốn kết nối rồi nhấp **Connect (Kết nối)**.
3. Bạn có thể cần nhập khóa bảo mật mạng cho mạng không dây an toàn rồi nhấp **OK**.
4. Đợi khi máy tính thiết lập kết nối thành công với mạng không dây. Tình trạng kết nối sẽ hiển thị và biểu tượng mạng sẽ hiển thị tình trạng  vừa kết nối.

GHI CHÚ:

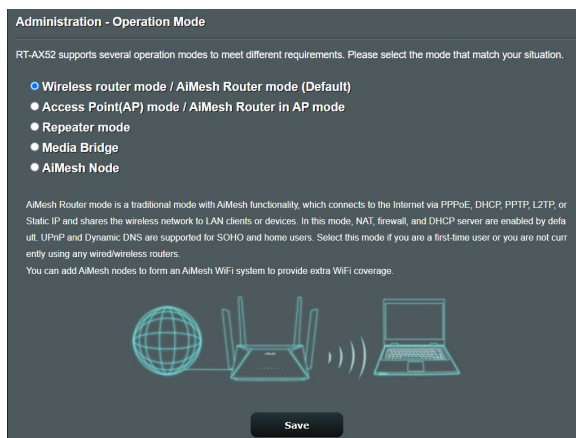
- Tham khảo các chương kế tiếp để biết thêm chi tiết về cách định cấu hình cài đặt mạng không dây của bạn.
 - Tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị của bạn để biết thêm chi tiết về cách kết nối thiết bị với mạng không dây.
-

3 Định cấu hình Cài đặt chung và nâng cao

3.1 Quản lý

3.1.1 Chế độ hoạt động

Trang Operation Mode (Chế độ hoạt động) cho phép bạn chọn chế độ thích hợp cho mạng của bạn.



Để thiết lập chế độ hoạt động:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > Operation Mode (Chế độ hoạt động)**.
2. Chọn một trong các chế độ hoạt động sau:
 - **Wireless router mode (default) (Chế độ router không dây (mặc định))**: Ở chế độ router không dây, router không dây kết nối với internet và cho phép truy cập internet vào các thiết bị có sẵn trên mạng cục bộ riêng.
 - **Repeater mode (Chế độ bộ khuếch đại)**: Chế độ này biến router thành bộ khuếch đại mạng không dây nhằm mở rộng phạm vi phủ sóng tín hiệu.
 - **Access Point mode (Chế độ bộ thu phát không dây)**: Ở chế độ này, router tạo một mạng không dây mới trên mạng hiện có.

3. Nhấp **Save (Lưu)**.

LƯU Ý: Router sẽ khởi động lại khi bạn đổi các chế độ.

3.1.2 Hệ thống

Trang **System (Hệ thống)** cho phép bạn định cấu hình các cài đặt router không dây.

Để thiết lập các cài đặt hệ thống:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > System (Hệ thống)**.
2. Bạn có thể định cấu hình các cài đặt sau:
 - **Change router login password (Đổi mật khẩu đăng nhập router):** Bạn có thể đổi mật khẩu và tên đăng nhập cho router không dây bằng cách nhập tên và mật khẩu mới.
 - **WPS button behavior (Thao tác nút WPS):** Có thể sử dụng nút WPS vật lý trên router không dây để kích hoạt WPS.
 - **Time Zone (Múi giờ):** Chọn múi giờ cho công việc của bạn.
 - **NTP Server (Máy chủ NTP):** Router không dây có thể truy cập máy chủ NTP (Giao thức giờ mạng) để đồng bộ hóa giờ.
 - **Enable Telnet (Bật Telnet):** Nhấp **Yes (Có)** để bật các dịch vụ Telnet trên mạng. Nhấp **No (Không)** để tắt Telnet.
 - **Authentication Method (Cách xác thực):** Bạn có thể chọn giao thức HTTP, HTTPS hoặc cả hai để bảo mật truy cập router.
 - **Enable Web Access from WAN (Bật truy cập web từ WAN):** Chọn **Yes (Có)** để cho phép các thiết bị ngoài mạng truy cập các cài đặt GUI của router không dây. Chọn **No (Không)** để ngăn chặn truy cập.
3. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.1.3 Nâng cấp firmware

LƯU Ý: Tải về firmware mới nhất từ trang web ASUS tại <http://www.asus.com>.

Để nâng cấp firmware:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**.
2. Trong mục **New Firmware File (File firmware mới)**, nhấp **Browse (Duyệt)** để xác định file tải về.
3. Nhấp **Upload (Tải lên)**.

GHI CHÚ:

- Khi hoàn tất tiến trình tải lên, hãy đợi trong giây lát để hệ thống khởi động lại.
 - Nếu tiến trình nâng cấp bị lỗi, router không dây sẽ tự động vào chế độ cứu nguy và đèn báo LED nguồn ở phía trước bắt đầu nhấp nháy chậm. Để phục hồi hoặc khôi phục hệ thống, hãy tham khảo phần **4.2 Phục hồi firmware**.
-

3.1.4 Phục hồi/Lưu/Tải lên Cài đặt

Để phục hồi/lưu/tải lên cài đặt router không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)**.
2. Chọn các tác vụ bạn muốn thực hiện:
 - Để phục hồi về cài đặt mặc định gốc, nhấp **Restore (Phục hồi)**, và nhấp **OK** trong thông báo xác nhận.
 - Để lưu các cài đặt hệ thống hiện hành, nhấp **Save (Lưu)**, chuyển sang thư mục nơi bạn định lưu file và nhấp **Save (Lưu)**.
 - Để phục hồi từ file cài đặt hệ thống đã lưu, nhấp **Browse (Duyệt)** để xác định file của bạn rồi nhấp **Upload (Tải lên)**.

QUAN TRỌNG! Nếu các sự cố xảy ra, hãy tải về phiên bản firmware mới nhất và định cấu hình cài đặt mới. Không phục hồi router về các cài đặt mặc định.

3.2 Tường lửa

Router không dây có thể hoạt động như tường lửa phần cứng cho mạng của bạn.

LƯU Ý: Tính năng Firewall (Tường lửa) được bật theo mặc định.

3.2.1 Cài đặt chung

Để thiết lập các cài đặt tường lửa cơ bản:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Firewall (Tường lửa) > General (Chung)**.
2. Trên mục **Enable Firewall (Bật tường lửa)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trên mục bảo vệ **Enable DoS (Bật Dos)**, chọn **Yes (Có)** để bảo vệ mạng của bạn khỏi các vụ tấn công DoS (Từ chối dịch vụ) dù điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của router.
4. Bạn cũng có thể giám sát các gói tin được trao đổi giữa kết nối LAN và WAN. Trên mục loại Logged packets (Gói tin đăng nhập), chọn **Dropped (Đã ngắt)**, **Accepted (Đã chấp nhận)** hoặc **Both (Cả hai)**.
5. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.2.2 Bộ lọc URL

Bạn có thể chọn các từ khóa hoặc địa chỉ web để ngăn chặn truy cập vào các URL cụ thể.

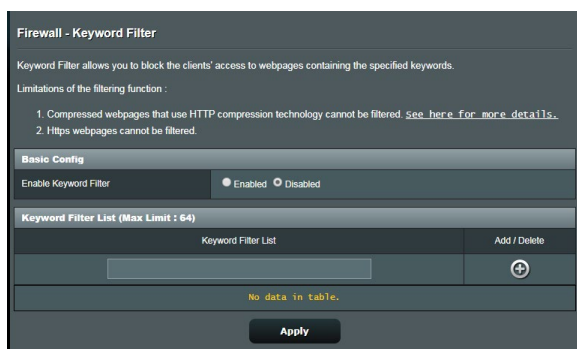
LƯU Ý: Bộ lọc URL dựa trên truy vấn DNS. Nếu thiết bị khách nối mạng đã truy cập trang web như <http://www.abcxxx.com>, trang web này sẽ không bị chặn (bộ nhớ cache DNS trong hệ thống sẽ lưu trữ các trang web đã truy cập trước đó). Để xử lý sự cố này, hãy xóa sạch bộ nhớ cache DNS trước khi thiết lập Bộ lọc URL.

Để thiết lập bộ lọc URL:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Firewall (Tường lửa) > URL Filter (Bộ lọc URL)**.
2. Trên mục Enable URL Filter (Bật bộ lọc URL), chọn **Enabled (Đã bật)**.
3. Nhập URL và nhấn nút .
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.2.3 Bộ lọc từ khóa

Bộ lọc từ khóa chặn truy cập vào các trang web chứa những từ khóa đã chọn.



Để thiết lập bộ lọc từ khóa:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Firewall (Tường lửa) > Keyword Filter (Bộ lọc từ khóa)**.
2. Trên mục Enable Keyword Filter (Bật bộ lọc từ khóa), chọn **Enabled (Đã bật)**.

- 3. Nhập một từ hay cụm từ và nhấp nút **Add (Thêm)**.
- 4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

GHI CHÚ:

- Bộ lọc ký tự dựa trên truy vấn DNS. Nếu thiết bị khách nối mạng đã truy cập trang web như <http://www.abcxxx.com>, trang web này sẽ không bị chặn (bộ nhớ cache DNS trong hệ thống sẽ lưu trữ các trang web đã truy cập trước đó). Để xử lý sự cố này, hãy xóa sạch bộ nhớ cache DNS trước khi thiết lập Bộ lọc từ khóa.
- Không thể lọc các trang web đã nén qua cách nén HTTP. Không thể chặn các trang HTTPS bằng bộ lọc từ khóa.

3.2.4 Bộ lọc dịch vụ mạng

Bộ lọc dịch vụ mạng chặn trao đổi gói tin giữa LAN với WAN và giới hạn các thiết bị khách nối mạng truy cập các dịch vụ web cụ thể như Telnet hoặc FTP.

Firewall - Network Services Filter

The Network Services filter blocks the LAN to WAN packet exchanges and restricts devices from using specific network services. For example, if you do not want the device to use the Internet service, key in 80 in the destination port. The traffic that uses port 80 will be blocked (but https can not be blocked). Leave the source IP field blank to apply this rule to all LAN devices.

Black List Duration : During the scheduled duration, clients in the Black List cannot use the specified network services. After the specified duration, all the clients in LAN can access the specified network services.

White List Duration : During the scheduled duration, clients in the White List can ONLY use the specified network services. After the specified duration, clients in the White List and other network clients will not be able to access the Internet or any Internet service.

NOTE : If you set the subnet for the White List, IP addresses outside the subnet will not be able to access the Internet or any Internet service.

* Reminder: The System time zone is different from your locale setting.

Network Services Filter

Enable Network Services Filter

Yes

No

Filter table type

Black List

Well-Known Applications

User Defined

Date to Enable LAN to WAN Filter

Mon

Tue

Wed

Thu

Fri

Time of Day to Enable LAN to WAN Filter

00

:

00

:

23

:

59

Date to Enable LAN to WAN Filter

Sat

Sun

Time of Day to Enable LAN to WAN Filter

00

:

00

:

23

:

59

Filtered ICMP packet types

Network Services Filter Table (Max Limit : 32)

Source IP	Port Range	Destination IP	Port Range	Protocol	Add / Delete
				TCP	
No data in table.					

Apply

Để thiết lập bộ lọc Dịch vụ mạng:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Firewall (Tường lửa) > Network Service Filter (Bộ lọc dịch vụ mạng)**.
2. Trên mục Enable Network Services Filter (Bật bộ lọc dịch vụ mạng), chọn **Yes (Có)**.
3. Chọn loại Filter table (Bảng bộ lọc). **Black List (D.sách đen)** chặn các dịch vụ mạng đã chọn. **White List (D.sách trắng)** chỉ giới hạn truy cập vào các dịch vụ mạng đã chọn.
4. Chỉ rõ ngày giờ khi các bộ lọc sẽ hoạt động.
5. Để chọn Dịch vụ mạng cần lọc, nhập Source IP (IP nguồn), Destination IP (IP đích), Port Range (Phạm vi cổng) và Protocol (Giao thức). Nhấp nút .
6. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.3 Mạng khách

Mạng khách cho phép khách truy cập tạm kết nối internet qua cách truy cập các SSID hoặc mạng riêng mà không cho phép truy cập mạng cá nhân của bạn.

LƯU Ý: RT-AX52 hỗ trợ đến sáu SSID (ba SSID 2.4GHz và ba SSID 5GHz).

Để tạo mạng khách:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Guest Network (Mạng khách)**.
2. Trên màn hình Guest Network (Mạng khách), chọn băng tần 2.4GHz hoặc 5GHz cho mạng khách mà bạn muốn tạo.
3. Nhấp **Enable (Bật)**.

The screenshot displays the 'Guest Network' configuration page. At the top, there is a header 'Guest Network' and a descriptive icon of people with a checkmark, accompanied by the text: 'The Guest Network provides Internet connection for guests but restricts access to your local network.' Below this, the interface is divided into two sections: '2.4GHz' and '5GHz'. Each section contains a list of configuration options: 'Network Name (SSID)', 'Authentication Method', 'Network Key', 'Time Remaining', and 'Access Intranet'. For each option, there is an 'Enable' button. The 'Network Key' button is highlighted with a yellow border. A note at the bottom right of each section states 'Default setting by AlexaIFTTT'.

4. Để thiết lập các tùy chọn bổ sung, nhấp **Modify (Sửa đổi)**.

The screenshot shows the 'Guest Network' configuration page. At the top, there's a header 'Guest Network' and a description: 'The Guest Network provides Internet connection for guests but restricts access to your local network.' Below this, there are two sections: '2.4GHz' and '5GHz'. Each section contains a table of settings and two 'Enable' buttons. The '2.4GHz' section has settings: Network Name (SSID) ASUS_2G_Guest, Authentication Method Open System, Network Key None, Time Remaining Unlimited access, and Access Intranet off. The '5GHz' section has settings: Network Name (SSID) ASUS_5G_Guest, Authentication Method Open System, Network Key None, Time Remaining Unlimited access, and Access Intranet off. Both sections have a 'Remove' button at the bottom. The 'Enable' buttons are labeled 'Enable' and 'Enable' with a note 'Default setting by Alexa/FTTT'.

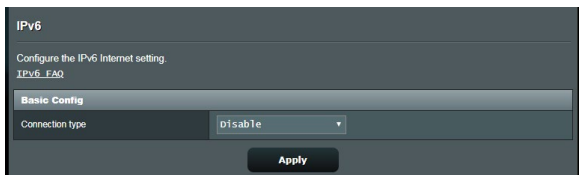
2.4GHz	
Network Name (SSID)	ASUS_2G_Guest
Authentication Method	Open System
Network Key	None
Time Remaining	Unlimited access
Access Intranet	off
Remove	

5GHz	
Network Name (SSID)	ASUS_5G_Guest
Authentication Method	Open System
Network Key	None
Time Remaining	Unlimited access
Access Intranet	off
Remove	

5. Nhấp **Yes (Có)** trên màn hình **Enable Guest Network (Bật mạng khách)**.
6. Gán tên không dây cho mạng tạm thời của bạn trên mục **Network Name (SSID) (Tên mạng (SSID))**.
7. Chọn **Authentication Method (Cách xác thực)**.
8. Chọn cách **Encryption (Mã hóa)**.
9. Chỉ rõ **Access time (Thời gian truy cập)** hoặc chọn **Limitless (Không hạn chế)**.
10. Chọn **Disable (Tắt)** hoặc **Enable (Bật)** trên mục Access Intranet (Truy cập mạng cục bộ).
11. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.4 IPv6

Router không dây này hỗ trợ định địa chỉ IPv6, một hệ thống hỗ trợ nhiều địa chỉ IP hơn. Tuy nhiên, chuẩn này chưa được sử dụng rộng rãi. Liên hệ ISP nếu dịch vụ internet của bạn hỗ trợ IPv6.



Để thiết lập IPv6:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > IPv6**.
2. Chọn **Connection Type (Loại kết nối)** của bạn. Các tùy chọn cấu hình khác nhau tùy theo loại kết nối đã chọn của bạn.
3. Nhập các cài đặt IPv6 LAN và DNS.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

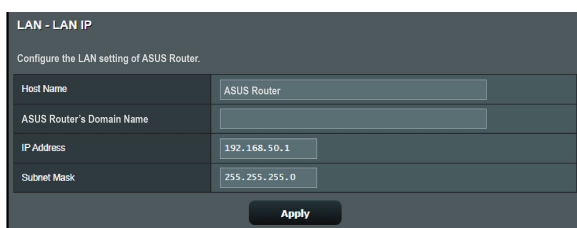
LƯU Ý: Hãy tham khảo ISP liên quan đến thông tin IPv6 cụ thể về dịch vụ internet của bạn.

3.5 LAN

3.5.1 LAN IP

Màn hình LAN IP cho phép bạn sửa đổi cài đặt LAN IP của router không dây.

LƯU Ý: Mọi thay đổi đối với địa chỉ LAN IP sẽ được áp dụng trên cài đặt DHCP của bạn.



LAN - LAN IP	
Configure the LAN setting of ASUS Router.	
Host Name	ASUS Router
ASUS Router's Domain Name	
IP Address	192.168.50.1
Subnet Mask	255.255.255.0
Apply	

Để sửa đổi cài đặt LAN IP:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > LAN > LAN IP**.
2. Sửa đổi **IP address (Địa chỉ IP)** và **Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ)**.
3. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.5.2 Máy chủ DHCP

Router không dây của bạn sử dụng DHCP để tự động gán các địa chỉ IP trên mạng. Bạn có thể chọn phạm vi địa chỉ IP và giờ cho thuê đối với các thiết bị khách trên mạng.

LAN - DHCP Server

DHCP (Dynamic Host Configuration Protocol) is a protocol for the automatic configuration used on IP networks. The DHCP server can assign each client an IP address and informs the client of the DNS server IP and default gateway IP. RT-AX52 supports up to 253 IP addresses for your local network.
Manually Assigned IP around the DHCP list FAQ

Basic Config

Enable the DHCP Server ☒ Yes ☐ No

RT-AX52's Domain Name

IP Pool Starting Address

IP Pool Ending Address

Lease time (seconds)

Default Gateway

DNS and WINS Server Setting

DNS Server 1

DNS Server 2

Advertise router's IP in addition to user-specified DNS ☒ Yes ☐ No

WINS Server

Manual Assignment

Enable Manual Assignment ☐ Yes ☒ No

Manually Assigned IP around the DHCP list (Max Limit : 64)

Client Name (MAC Address)	IP Address	DNS Server (Optional)	Host Name (Optional)	Add / Delete
				+
No data in table.				

Để định cấu hình máy chủ DHCP:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > LAN > DHCP Server (Máy chủ DHCP)**.
2. Trong mục **Enable the DHCP Server (Bật máy chủ DHCP)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trong ô văn bản **Domain Name (Tên miền)**, nhập tên miền cho router không dây.
4. Trong mục **IP Pool Starting Address (Địa chỉ bắt đầu bộ trữ IP)**, nhập địa chỉ IP bắt đầu.

5. Trong mục **IP Pool Starting Address (Địa chỉ kết thúc bộ trữ IP)**, nhập địa chỉ IP kết thúc.
6. Trong mục **Lease Time (Giờ cho thuê)**, chọn theo giây khi địa chỉ IP vừa gán sẽ hết hạn. Một khi nó đạt đến giới hạn thời gian này, máy chủ sẽ gán một địa chỉ IP mới.

LƯU Ý:

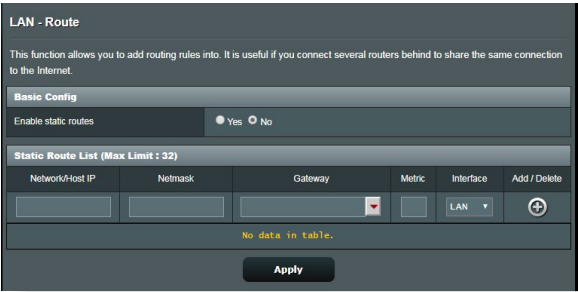
- Chúng tôi đề nghị bạn sử dụng định dạng địa chỉ IP 192.168.1.xxx (nơi mà xxx có thể là số bất kỳ từ 2-254) khi chọn phạm vi địa chỉ IP.
 - Địa chỉ Bắt đầu bộ trữ IP không được dài hơn Địa chỉ kết thúc bộ trữ IP.
-

7. Trong phần **DNS and Server Settings (Cài đặt DNS và máy chủ)**, nhập địa chỉ DNS Server (Máy chủ DNS) và WINS Server (Máy chủ WINS) nếu cần.
8. Router không dây của bạn cũng có thể gán thủ công địa chỉ IP cho các thiết bị trên mạng. Trên mục **Enable Manual Assignment (Bật gán thủ công)**, chọn **Yes (Có)** để gán địa chỉ IP cho các địa chỉ MAC cụ thể trên mạng. Bạn có thể thêm đến 32 Địa chỉ MAC vào danh sách DHCP để gán thủ công.

3.5.3 Route (Định tuyến)

Nếu mạng của bạn sử dụng nhiều hơn một router không dây, bạn có thể định cấu hình bảng định tuyến để chia sẻ cùng dịch vụ internet.

LƯU Ý: Chúng tôi đề nghị bạn không thay đổi cài đặt định tuyến mặc định trừ khi bạn có kiến thức nâng cao về các bảng định tuyến.



Để định cấu hình Bảng định tuyến LAN:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > LAN > Route (Định tuyến)**.
2. Trên mục **Enable static routes (Bật định tuyến tĩnh)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trên **Static Route List (D.sách định tuyến tĩnh)**, nhập thông tin mạng của các bộ thu phát không dây hoặc nút mạng khác. Nhấp nút **Add (Thêm)**  hoặc **Delete (Xóa)**  để thêm hoặc xóa thiết bị trên danh sách.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.5.4 IPTV

Router không dây hỗ trợ kết nối với các dịch vụ IPTV qua một ISP hoặc LAN. Thẻ IPTV cung cấp các cài đặt cấu hình cần thiết để thiết lập IPTV, VoIP, truyền đa phương và UDP cho dịch vụ của bạn. Liên hệ với ISP để biết thông tin cụ thể liên quan đến dịch vụ của bạn.

LAN - IPTV

To watch IPTV, the WAN port must be connected to the Internet. Please go to [WAN - Dual WAN](#) to confirm that WAN port is assigned to primary WAN.

LAN Port

Select ISP Profile

None ▾

Choose IPTV STB Port

None ▾

Special Applications

Use DHCP routes

Microsoft ▾

Enable multicast routing (IGMP Proxy)

Disable ▾

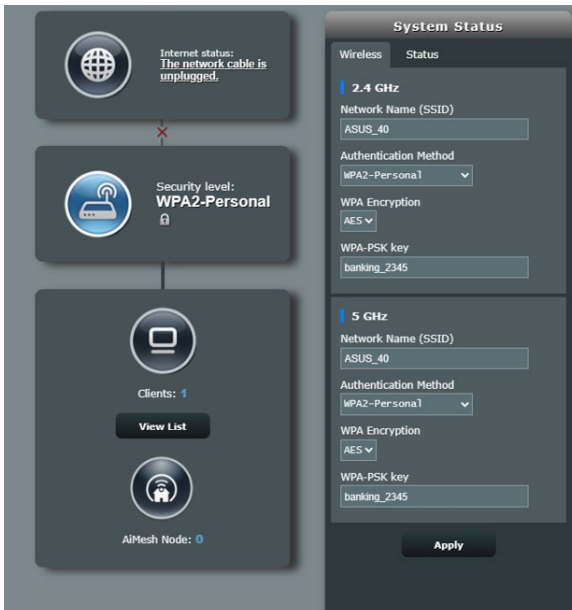
UDP Proxy (Udpxy)

0

Apply

3.6 Sơ đồ mạng

Sơ đồ mạng cho phép bạn định cấu hình cài đặt bảo mật mạng, quản lý các thiết bị khách nối mạng.



3.6.1 Thiết lập cài đặt bảo mật không dây

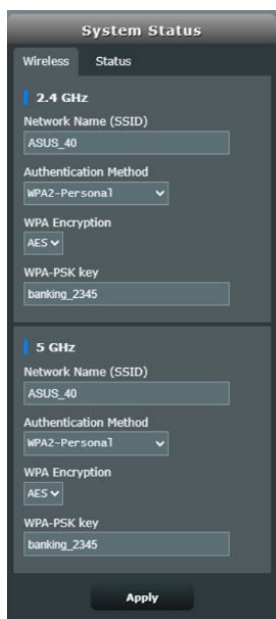
Để bảo vệ mạng không dây khỏi bị truy cập trái phép, bạn cần định cấu hình cài đặt bảo mật liên quan.

Để thiết lập cài đặt bảo mật không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng)**.
2. Trên màn hình Sơ đồ mạng và trong **System Status (Tình trạng mạng)**, bạn có thể định cấu hình cài đặt bảo mật không dây như cài đặt SSID, mức bảo mật và mã hóa.

LƯU Ý: Bạn có thể thiết lập những cài đặt bảo mật không dây khác nhau cho các băng tần 2.4GHz và 5GHz.

Cài đặt bảo mật 2.4GHz/5GHz



The screenshot shows the 'System Status' window with two tabs: 'Wireless' and 'Status'. The 'Wireless' tab is active, displaying settings for two frequency bands: 2.4 GHz and 5 GHz. For each band, the following settings are visible: Network Name (SSID) set to 'ASUS_40', Authentication Method set to 'WPA2-Personal', WPA Encryption set to 'AES', and WPA-PSK key set to 'banking_2345'. An 'Apply' button is located at the bottom of the screen.

3. Trên mục **Network Name (SSID) (Tên mạng (SSID))**, nhập tên duy nhất cho mạng không dây của bạn.

4. Từ danh sách **WEP Encryption (Mã hóa WEP)** sổ xuống, chọn cách xác thực cho mạng không dây của bạn.

QUAN TRỌNG! Chuẩn IEEE 802.11n/ac/ax cấm sử dụng Thông lượng cao với WEP hoặc WPA-TKIP dưới dạng mật mã truyền thông đơn hướng. Nếu sử dụng các cách mã hóa này, tốc độ dữ liệu của bạn sẽ giảm xuống mức kết nối IEEE 802.11g 54Mbps.

5. Nhập mã khóa bảo mật của bạn.
6. Nhấp **Apply (Áp dụng)** khi hoàn tất.

3.6.2 Quản lý các thiết bị khách nối mạng



Để quản lý các thiết bị khách nối mạng:

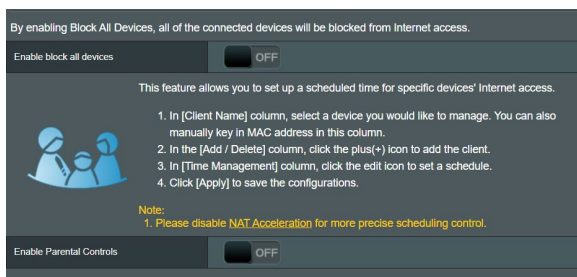
1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng)**.
2. Trên màn hình Network Map (Sơ đồ mạng), chọn biểu tượng **Client Status (Tình trạng thiết bị khách)** để hiển thị thông tin thiết bị khách nối mạng của bạn.
3. Để chặn thiết bị khách truy cập vào mạng của bạn, chọn thiết bị khách đó và nhấp **block (khối)**.

3.7 Kiểm soát cha mẹ

Kiểm soát cha mẹ cho phép bạn kiểm soát giờ truy cập internet hoặc cài giới hạn giờ cho việc sử dụng mạng cho thiết bị khách.

ĐỂ VÀO trang chính Kiểm soát cha mẹ:

Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Parental Controls (Kiểm soát cha mẹ)**.



Định giờ

Định giờ cho phép bạn cài giới hạn thời gian cho việc sử dụng mạng của thiết bị khách.

LƯU Ý: Đảm bảo giờ của hệ thống được đồng bộ với máy chủ NTP.

By enabling Block All Devices, all of the connected devices will be blocked from Internet access.

Enable block all devices ☐ OFF

This feature allows you to set up a scheduled time for specific devices' Internet access.

1. In [Client Name] column, select a device you would like to manage. You can also manually key in MAC address in this column.
2. In the [Add / Delete] column, click the plus(+) icon to add the client.
3. In [Time Management] column, click the edit icon to set a schedule.
4. Click [Apply] to save the configurations.

Note:
1. Please disable NAT Acceleration for more precise scheduling control.

Enable Parental Controls ☒ ON

System Time Fri, Dec 29 15:37:21 2023

Client List (Max Limit : 64)

Select all	Client Name (MAC Address)	Time Management	Add / Delete
Time		--	+
No data in table			

Để cài đặt Định giờ:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Parental Controls (Kiểm soát cha mẹ) > Time Scheduling (Định giờ)**.
2. Từ cửa sổ **Enable Time Scheduling (Bật định giờ)**, nhấn **ON (BẬT)**.
3. Từ cột **Clients Name (Tên thiết bị khách)**, chọn hoặc nhập tên của thiết bị khách đó từ ô danh sách sổ xuống.

LƯU Ý: Bạn cũng có thể nhập địa chỉ MAC của thiết bị khách vào cột **Client MAC Address (Địa chỉ MAC thiết bị khách)**. Đảm bảo tên thiết bị khách không chứa các ký tự đặc biệt hoặc khoảng trống vì chúng có thể khiến cho router hoạt động bất thường.

4. Nhấp để thêm cấu hình của thiết bị khách.
5. Nhấp **Apply (Áp dụng)** để lưu các cài đặt.

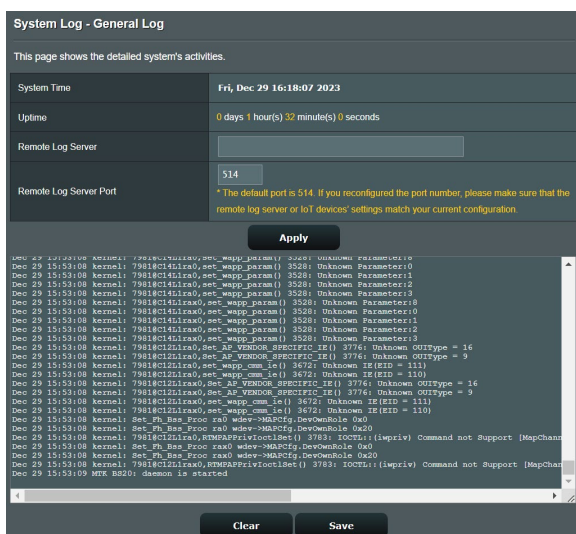
3.8 Nhât ký hệ thống

Nhật ký hệ thống chứa các hoạt động mang đã ghi lại của bạn.

LƯU Ý: Nhấp ký hệ thống sẽ cài lại khi router được khởi động lại hoặc tắt nguồn.

Để xem nhật ký hệ thống:

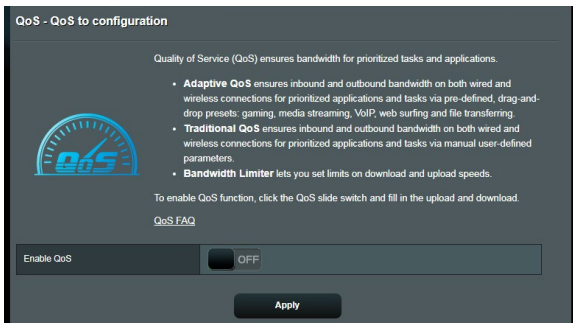
1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **System Log (Nhật ký hệ thống)**.
2. Bạn có thể xem các hoạt động mạng bằng một trong các thẻ sau:
 - General Log (Nhật ký chung)
 - DHCP Leases (Cho thuê DHCP)
 - Wireless Log (Nhật ký không dây)
 - Port Forwarding (Chuyển tiếp cổng)
 - Routing Table (Bảng định tuyến)



3.9 Quản lý lưu lượng

3.9.1 Quản lý bằng thông QoS (Chất lượng dịch vụ)

Chất lượng dịch vụ (QoS) cho phép bạn cài ưu tiên băng thông và quản lý lưu lượng mạng.



Để thiết lập ưu tiên băng thông:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Traffic Manager (Quản lý lưu lượng) > QoS**.
2. Nhấp **ON (BẬT)** để bật QoS. Điền các mục băng thông tải lên và tải về.

LƯU Ý: Hãy nhận thông tin băng thông từ nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP).

3. Nhấp **Save (Lưu)**.

LƯU Ý: User Specify Rule List (Danh sách quy tắc tự chọn) chỉ áp dụng cho cài đặt nâng cao. Nếu bạn muốn ưu tiên hóa các ứng dụng và dịch vụ mạng cụ thể, hãy chọn **User-defined QoS rules (Quy tắc QoS tự chọn)** hoặc **User-defined Priority (Ưu tiên tự chọn)** từ danh sách sổ xuống ở góc phải phía trên.

4. Trên trang **user-defined QoS rules (quy tắc QoS tự chọn)**, có bốn loại dịch vụ trực tuyến mặc định – lướt web, HTTP và truyền file. Chọn dịch vụ ưu tiên của bạn, điền các mục **Source IP or MAC (IP nguồn hoặc MAC)**, **Destination Port (Cổng đích)**, **Protocol (Giao thức)**, **Transferred (Đã truyền)** và **Priority (Ưu tiên)**, sau đó nhấp **Apply (Áp dụng)**. Thông tin sẽ được thiết lập trong màn hình quy tắc QoS.

GHI CHÚ:

- Để điền mục source IP or MAC (IP nguồn hoặc MAC), bạn có thể
 - a) Nhập địa chỉ IP cụ thể như "192.168.122.1".
 - b) Nhập các địa chỉ IP trong phạm vi một mạng phụ hoặc trong cùng một nhóm IP như "192.168.123.*" hoặc "192.168.*.*"
 - c) Nhập mọi địa chỉ IP như "*".*.*" hay để trống mục này.
 - d) Định dạng cho địa chỉ MAC là sáu nhóm gồm hai chữ số thập lục phân, được chia tách bằng các dấu hai chấm (:), theo trình tự truyền tải (vd: 12:34:56:aa:bc:ef)
 - Về phạm vi cổng nguồn hoặc đích, bạn có thể:
 - a) Nhập một cổng cụ thể như "95".
 - b) Nhập các cổng trong phạm vi như "103:315", ">100" hoặc "<65535".
 - Cột **Transferred (Đã truyền)** chứa thông tin về lưu lượng ngược và xuôi dòng (lưu lượng mạng đi và đến) cho một phân đoạn. Trong cột này, bạn có thể cài giới hạn lưu lượng mạng (bằng KB) cho một dịch vụ cụ thể để tạo ra các thuộc tính riêng cho dịch vụ đã được gán cho một cổng cụ thể. Ví dụ: nếu hai máy khách mạng, PC 1 và PC 2, đều đang truy cập internet (được cài ở cổng 80), nhưng PC 1 vượt quá giới hạn lưu lượng mạng do một số tác vụ tải về, PC 1 sẽ có ưu tiên thấp hơn. Nếu bạn không muốn cài giới hạn lưu lượng, hãy để trống mục này.
-

5. Trên trang **User-defined Priority (Ưu tiên tự chọn)**, bạn có thể ưu tiên hóa các ứng dụng hay thiết bị mạng thành năm mức từ danh sách **user-defined QoS rules (quy tắc QoS tự chọn)**’ số xuống. Dựa vào mức ưu tiên, bạn có thể dùng những cách sau để gửi các gói dữ liệu:
- Đảo trình tự các gói dữ liệu mạng ngược dòng đã gửi lên internet.
 - Trong bảng **Upload Bandwidth (Bảng thông tải lên)**, cài **Minimum Reserved Bandwidth (Bảng thông dự trữ tối thiểu)** và **Maximum Bandwidth Limit (Giới hạn băng thông tối đa)** cho nhiều ứng dụng mạng có các mức ưu tiên khác nhau. Các tỷ lệ cho biết tốc độ băng thông tải lên có sẵn đối với những ứng dụng mạng đã chọn.

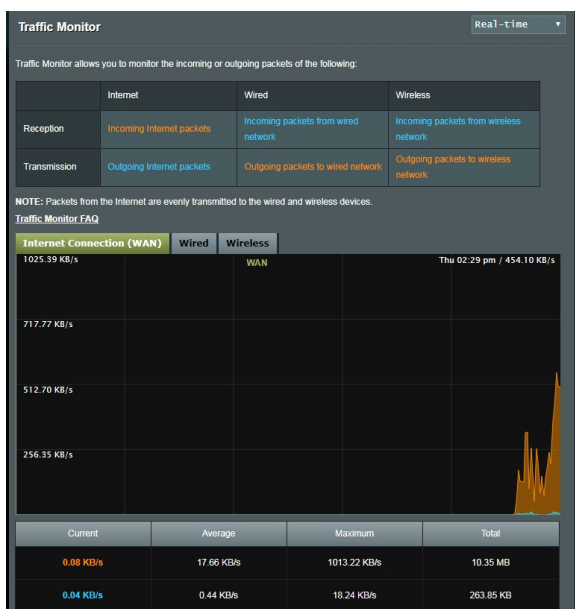
GHI CHÚ:

- Các gói dữ liệu ưu tiên thấp được bỏ qua để đảm bảo truyền tải các gói dữ liệu ưu tiên cao.
 - Trong bảng **Download Bandwidth (Bảng thông tải về)**, cài **Maximum Bandwidth Limit (Giới hạn băng thông tối đa)** cho nhiều ứng dụng mạng theo trình tự tương ứng. Gói dữ liệu ngược dòng ưu tiên càng cao thì sẽ tạo ra gói dữ liệu xuôi dòng ưu tiên càng cao.
 - Nếu có hai gói dữ liệu đang được gửi từ các ứng dụng ưu tiên cao, tốc độ truyền tải đầy đủ của kết nối internet sẽ có sẵn đối với các gói dữ liệu ưu tiên thấp.
-
6. Cài gói dữ liệu ưu tiên cao nhất. Để đảm bảo trải nghiệm chơi game trực tuyến mượt mà, bạn có thể cài ACK, SYN và ICMP làm gói dữ liệu ưu tiên cao nhất.

LƯU Ý: Đảm bảo bật QoS trước và thiết lập các giới hạn tốc độ tải lên và tải về.

3.10 Bộ giám sát lưu lượng

Tính năng giám sát lưu lượng cho phép bạn truy cập hoạt động sử dụng băng thông và tốc độ internet, các mạng có dây hoặc không dây. Nó cho phép bạn giám sát lưu lượng mạng trong thời gian thực hoặc trên cơ sở hàng ngày. Nó cũng cung cấp tùy chọn để hiển thị lưu lượng mạng trong vòng 24 giờ qua.



LƯU Ý: Các gói dữ liệu từ internet được truyền tải đồng đều đến các thiết bị có dây và không dây.

3.11 WAN

3.11.1 Kết nối internet

Màn hình Internet Connection (Kết nối internet) cho phép bạn định cấu hình các cài đặt thuộc nhiều loại kết nối WAN khác nhau.

WAN - Internet Connection

RT-AX52 supports several connection types to WAN (wide area network). These types are selected from the dropdown menu beside WAN Connection Type. The setting fields differ depending on the connection type you selected.

Configure the Ethernet WAN settings of RT-AX52.

Basic Config

WAN Connection Type

Automatic IP

Enable WAN

Yes

No

Enable NAT

Yes

No

Enable UPnP

UPnP_FAQ

Yes

No

WAN DNS Setting

DNS Server

168.95.1.1, 168.95.192.1

Assign a DNS service to improve security, block advertisement and gain faster performance.

Assign

Forward local domain queries to upstream DNS

Yes

No

Enable DNS Rebind protection

Yes

No

Prevent client auto DoH

Auto

DNS Privacy Protocol

None

DHCP Option

Class identifier (Option 60)

Client identifier (Option 61)

IID/DUID

Account Settings

Authentication

None

PPP Echo Interval

6

PPP Echo Max Failures

10

Special Requirement from ISP

Host Name

MAC Address

MAC Clone

DHCP query frequency

Aggressive Mode

Extend the TTL value

Yes

No

Spoof LAN TTL value

Yes

No

Apply

Để định cấu hình các cài đặt kết nối WAN:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > Internet Connection (Kết nối internet)**.
2. Định cấu hình các cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.

- **WAN Connection Type (Loại kết nối WAN):** Chọn loại Nhà cung cấp dịch vụ internet của bạn. Các lựa chọn gồm **Automatic IP (IP tự động)**, **PPPoE**, **PPTP**, **L2TP** hoặc **fixed IP (IP cố định)**. Liên hệ ISP của bạn nếu router không thể nhận địa chỉ IP hợp lệ hoặc nếu bạn không chắc về loại kết nối WAN.
- **Enable WAN (Bật WAN):** Chọn **Yes (Có)** để cho phép truy cập internet qua router. Chọn **No (Không)** để tắt kết nối internet.
- **Enable NAT (Bật NAT):** NAT (Dịch địa chỉ mạng) là hệ thống nơi mà một IP công cộng (IP WAN) được sử dụng để cho phép các thiết bị khách nối mạng truy cập internet bằng địa chỉ IP riêng trong mạng LAN. Địa chỉ IP riêng của từng thiết bị khách nối mạng được lưu vào bảng NAT và được sử dụng để định tuyến các gói dữ liệu gửi vào.
- **Enable UPnP (Bật UPnP):** UPnP (Cắm và phát chung) cho phép nhiều thiết bị (như router, TV, hệ thống âm thanh nổi, bảng điều khiển game và điện thoại di động) được điều khiển qua mạng dựa trên IP có hoặc không có nút điều khiển trung tâm qua cổng nối. UPnP kết nối các PC thuộc mọi hệ số hình dạng, cung cấp mạng hoàn hảo cho cấu hình và truyền dữ liệu từ xa. Khi sử dụng UPnP, thiết bị mạng mới sẽ được phát hiện tự động. Một khi đã kết nối mạng, các thiết bị có thể được định cấu hình từ xa để hỗ trợ các ứng dụng P2P, game tương tác, hội nghị video, và các máy chủ web hoặc ủy nhiệm. Không như Chuyển tiếp cổng - đòi hỏi bạn phải tự định cấu hình cài đặt cổng, UPnP tự động định cấu hình router để chấp nhận các kết nối vào và yêu cầu trực tiếp với một PC cụ thể trên mạng cục bộ.
- **Connect to DNS Server automatically (Kết nối tự động với máy chủ DNS):** Cho phép router này nhận địa chỉ IP DNS từ ISP tự động. DNS là máy chủ trên internet dịch các tên internet thành các địa chỉ IP bằng số.

- **Authentication (Xác thực):** Mục này có thể được chọn bởi một số ISP. Kiểm tra với ISP của bạn và điền các thông tin nếu cần.
- **Host Name (Tên máy chủ):** Mục này cho phép bạn cung cấp tên máy chủ cho router. Nó thường là yêu cầu đặc biệt từ ISP của bạn. Nếu ISP của bạn đã gán tên máy chủ cho máy tính, hãy nhập tên máy chủ vào đây.
- **MAC Address (Địa chỉ MAC):** Địa chỉ MAC (Kiểm soát truy cập truyền thông) là bộ định danh duy nhất cho thiết bị kết nối mạng của bạn. Một số ISP giám sát địa chỉ MAC của các thiết bị nối mạng kết nối dịch vụ của họ và từ chối mọi thiết bị không nhận dạng cố kết nối. Để tránh các sự cố kết nối do địa chỉ MAC chưa đăng ký, bạn có thể:
 - Liên hệ với ISP và cập nhật địa chỉ MAC liên quan đến dịch vụ ISP của bạn.
 - Sao chép hoặc đổi địa chỉ MAC của router không dây ASUS để khớp với địa chỉ MAC của thiết bị nối mạng trước đó đã được nhận dạng bởi ISP.

3.11.2 Kích hoạt cổng

Kích hoạt phạm vi cổng sẽ mở cổng vào xác định sẵn trong thời gian giới hạn bất cứ khi nào một thiết bị khách trên mạng cục bộ thực hiện kết nối ra với cổng đã chọn. Kích hoạt cổng được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Hơn một thiết bị cục bộ cần chuyển tiếp cổng cho cùng ứng dụng vào một thời điểm khác nhau.
- Ứng dụng cần các cổng vào cụ thể khác với các cổng ra.

WAN - Port Trigger

Port Trigger allows you to temporarily open data ports when LAN devices require unrestricted access to the Internet. There are two methods for opening incoming data ports: port forwarding and port trigger. Port forwarding opens the specified data ports all the time and devices must use static IP addresses. Port trigger only opens the incoming port when a LAN device requests access to the trigger port. Unlike port forwarding, port trigger does not require static IP addresses for LAN devices. Port forwarding allows multiple devices to share a single open port and port trigger only allows one client at a time to access the open port.

[Port Trigger FAQ](#)

Basic Config

Enable Port Trigger: ☒ Yes ☐ No

Well-Known Applications:

Trigger Port List (Max Limit: 32)

Description	Trigger Port	Protocol	Incoming Port	Protocol	Delete
No data in table.					

Để thiết lập Kích hoạt cổng:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > Port Trigger (Kích hoạt cổng)**.
2. Định cấu hình các cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.
 - **Enable Port Trigger (Bật kích hoạt cổng)**: Chọn **Yes (Có)**.
 - **Well-Known Applications (Ứng dụng nổi tiếng)**: Chọn các game và dịch vụ web phổ biến để thêm vào Port Trigger List (D.sách kích hoạt cổng).

- **Description (Mô tả):** Nhập tên ngắn hoặc mô tả cho dịch vụ.
- **Trigger Port (Cổng kích hoạt):** Chỉ rõ cổng kích hoạt để mở cổng vào.
- **Protocol (Giao thức):** Chọn giao thức TCP hoặc UDP.
- **Incoming Port (Cổng vào):** Chỉ rõ cổng vào để nhận dữ liệu luồng vào từ internet.

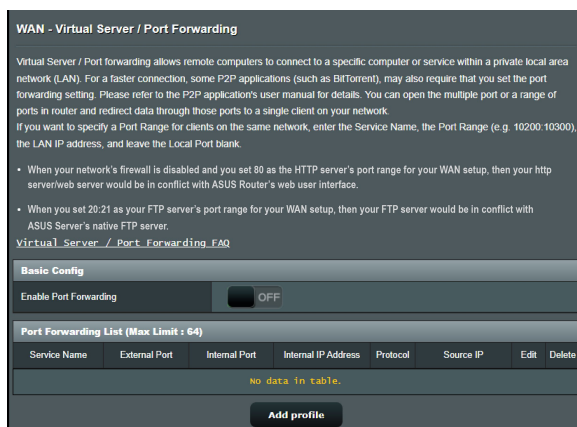
GHI CHÚ:

- Khi kết nối với máy chủ IRC, PC khách sẽ thực hiện kết nối ra bằng phạm vi cổng kích hoạt 66660-7000. Máy chủ IRC sẽ trả lời bằng cách xác nhận tên đăng nhập và tạo kết nối mới với PC khách qua cổng vào.
 - Nếu đã tắt Kích hoạt cổng, router sẽ ngắt kết nối vì nó không thể xác định PC nào đang yêu cầu truy cập IRC. Khi đã bật Kích hoạt cổng, router sẽ gán cổng vào để nhận dữ liệu luồng vào. Cổng vào này sẽ đóng khi đã qua một khoảng thời gian cụ thể vì router không chắc ứng dụng đã được kết thúc khi nào.
 - Kích hoạt cổng chỉ cho phép một thiết bị khách trong mạng sử dụng đồng thời một dịch vụ đặc biệt và một cổng vào cụ thể.
 - Bạn không thể sử dụng cùng một ứng dụng để kích hoạt một cổng trong hơn một PC cùng lúc. Router sẽ chỉ chuyển hướng cổng này trở về máy tính dùng gần nhất để gửi cho router một yêu cầu/kích hoạt.
-

3.11.3 Máy chủ ảo/Chuyển tiếp cổng

Chuyển tiếp cổng là cách để chuyển tiếp lưu lượng mạng từ internet sang một cổng cụ thể hoặc từ phạm vi các cổng cụ thể sang một thiết bị hoặc một số thiết bị trên mạng cục bộ của bạn. Thiết lập Chuyển tiếp cổng trên router cho phép các PC bên ngoài mạng truy cập các dịch vụ cụ thể được cung cấp bởi một PC trong mạng của bạn.

LƯU Ý: Khi đã bật Chuyển tiếp cổng, router ASUS sẽ chặn lưu lượng luồng vào không mong muốn khỏi internet và chỉ cho phép các trả lời từ những yêu cầu luồng ra từ mạng LAN. Thiết bị khách nối mạng không thể truy cập internet trực tiếp và ngược lại.



Để thiết lập Chuyển hướng cổng:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > Virtual Server (Máy chủ ảo)/Port Forwarding (Chuyển tiếp cổng)**.

2. Định cấu hình các cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.

- **Enable Port Forwarding (Bật chuyển tiếp cổng):** Chọn **Yes (Có)** để bật Chuyển tiếp cổng.
- **Famous Server List (Danh sách máy chủ nổi tiếng):** Xác định loại dịch vụ nào bạn muốn truy cập.
- **Famous Game List (Danh sách trò chơi nổi tiếng):** Mục này liệt kê các trò chơi trực tuyến phổ biến để hoạt động thích hợp.
- **FTP Server Port (Cổng máy chủ FTP):** Tránh gán phạm vi cổng 20:21 cho máy chủ FTP vì điều này sẽ gây xung đột với kiểu gán máy chủ FTP gốc của router.
- **Service Name (Tên dịch vụ):** Nhập tên dịch vụ.
- **Port Range (Phạm vi cổng):** Nếu bạn muốn chỉ rõ Phạm vi cổng cho các thiết bị khách trên cùng mạng, hãy nhập Tên dịch vụ, Phạm vi cổng (vd: 10200:10300), địa chỉ IP LAN, và để trống Local Port (Cổng cục bộ). Phạm vi cổng chấp nhận nhiều định dạng khác nhau như Phạm vi cổng (300:350), các cổng riêng (566,789) hoặc Kết hợp (1015:1024,3021).

GHI CHÚ:

- Khi đã tắt tường lửa của mạng và cài 80 làm phạm vi cổng của máy chủ HTTP để thiết lập mạng WAN, thì máy chủ http server/web của bạn sẽ xung đột với giao diện người dùng web của router.
 - Mạng sử dụng các cổng để trao đổi dữ liệu, với mỗi cổng được gán một mã cổng và một tác vụ cụ thể. Ví dụ: cổng 80 được dùng cho HTTP. Một cổng cụ thể chỉ có thể được sử dụng cùng lúc bởi một ứng dụng hoặc dịch vụ. Vì vậy, hai PC cố truy cập dữ liệu qua cùng một cổng cùng lúc sẽ bị lỗi. Ví dụ, bạn không thể thiết lập Chuyển tiếp cổng cho cổng 100 đối với hai PC cùng một lúc.
-

- **Local IP (IP cục bộ):** Nhập địa chỉ IP LAN của thiết bị khách.

LƯU Ý: Sử dụng địa chỉ IP tĩnh cho thiết bị khách cục bộ để giúp cho chuyển tiếp cổng hoạt động thích hợp. Tham khảo phần **3.5 LAN** để biết thông tin.

- **Local Port (Cổng cục bộ):** Nhập cổng cụ thể để nhận các gói tin đã chuyển tiếp. Để trống mục này nếu bạn muốn các gói tin vào được chuyển hướng đến phạm vi cổng đã chọn.
- **Protocol (Giao thức):** Chọn giao thức. Nếu bạn không chắc, chọn **BOTH (CẢ HAI)**.

Để kiểm tra xem Chuyển tiếp cổng đã được định cấu hình thành công hay chưa:

- Đảm bảo máy chủ hoặc ứng dụng của bạn đã được thiết lập và đang chạy.
- Bạn sẽ cần một thiết bị khách ngoài mạng LAN nhưng có thể truy cập internet (được gọi là "Thiết bị khách internet"). Thiết bị khách này không được kết nối với router ASUS.
- Trên thiết bị khách internet, hãy sử dụng IP WAN của router để truy cập máy chủ. Nếu chuyển tiếp cổng đã thành công, bạn sẽ có thể truy cập các file hoặc ứng dụng.

Những khác biệt giữa kích hoạt cổng và chuyển tiếp cổng:

- Kích hoạt cổng sẽ hoạt động ngay cả khi chưa thiết lập địa chỉ IP LAN cụ thể. Không giống như chuyển tiếp cổng - cần địa chỉ IP LAN tĩnh, kích hoạt cổng cho phép chuyển tiếp cổng động bằng router. Các phạm vi cổng xác định sẵn được định cấu hình để chấp nhận các kết nối vào trong khoảng thời gian hạn chế. Kích hoạt cổng cho phép nhiều máy tính chạy các ứng dụng thường sẽ cần chuyển tiếp thủ công các cổng giống nhau sang từng PC trên mạng.
- Kích hoạt cổng là an toàn hơn chuyển tiếp cổng vì các cổng vào không phải lúc nào cũng được mở. Chúng được mở chỉ khi một ứng dụng đang thực hiện kết nối ra qua cổng kích hoạt.

3.11.4 DMZ

DMZ ảo hiển thị một thiết bị khách trên internet, cho phép thiết bị khách này nhận mọi gói tin luồng vào được chuyển hướng sang Mạng cục bộ của bạn.

Lưu lượng luồng vào từ internet thường bị hủy bỏ và được chuyển sang một thiết bị khách cụ thể nếu chuyển tiếp cổng hoặc kích hoạt cổng đã được định cấu hình trên mạng. Trong cấu hình DMZ, một thiết bị khách nối mạng nhận mọi gói tin luồng vào.

Thiết lập DMZ trên mạng là hữu ích khi bạn cần dùng các cổng đang mở hoặc muốn lưu trữ tên miền, web hoặc máy chủ email.

CHÚ Ý! Mở tất cả các cổng trên thiết bị khách với internet khiến cho mạng dễ bị tấn công từ bên ngoài. Hãy lưu ý đến các nguy cơ bảo mật liên quan khi sử dụng DMZ.

Để thiết lập DMZ:

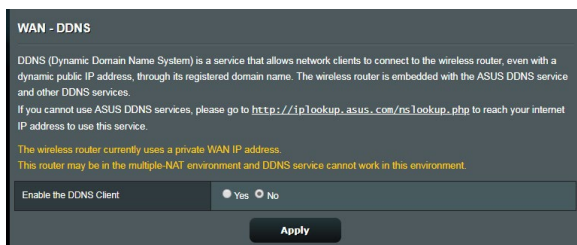
1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > DMZ**.
2. Định cấu hình cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.
 - **Địa chỉ IP của Trạm lộ thiên:** Nhập địa chỉ IP LAN của thiết bị khách vốn sẽ cung cấp dịch vụ DMZ và sẽ được hiển thị trên internet. Đảm bảo thiết bị khách máy chủ có địa chỉ IP tĩnh.

Để xóa DMZ:

1. Xóa địa chỉ IP LAN của thiết bị khách khỏi ô văn bản **IP Address of Exposed Station (Địa chỉ IP của trạm lộ thiên)**.
2. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.11.5 DDNS

Thiết lập DDNS (DNS động) cho phép bạn truy cập router từ bên ngoài mạng qua Dịch vụ ASUS DDNS đã cung cấp hoặc một dịch vụ DDNS khác.



Để thiết lập DDNS:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > DDNS**.
2. Định cấu hình các cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.
 - **Enable the DDNS Client (Bật thiết bị khách DDNS)**: Bật DDNS để truy cập router ASUS qua tên DNS thay vì địa chỉ IP WAN.
 - **Server and Host Name (Máy chủ và Tên máy chủ)**: Chọn ASUS DDNS hoặc DDNS khác. Nếu bạn muốn sử dụng ASUS DDNS, hãy điền Tên máy chủ theo định dạng xxx.asuscomm.com (xxx là tên máy chủ của bạn).
 - Nếu bạn muốn sử dụng dịch vụ DDNS khác, nhấn **FREE TRIAL (DÙNG THỬ MIỄN PHÍ)** và đăng ký trực tuyến trước. Điền các mục User Name (Tên đăng nhập) hoặc E-mail Address (Địa chỉ email) và Password (Mật khẩu) hoặc DDNS Key (Khóa DDNS).

- **Enable wildcard (Bật ký tự đại diện):** Bật ký tự đại diện nếu dịch vụ DDNS của bạn cần dùng.

GHI CHÚ:

Dịch vụ DDNS sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi router không dây đang sử dụng địa chỉ IP WAN riêng (192.168.x.x, 10.x.x.x hoặc 172.16.x.x), như được chỉ rõ bởi văn bản màu vàng.
 - Router có thể đang hoạt động trên mạng sử dụng nhiều bảng NAT.
-

3.11.6 Truyền qua NAT

Truyền qua NAT cho phép kết nối Virtual Private Network (VPN) (Mạng riêng ảo) để truyền qua router đến các thiết bị khách nối mạng. Truyền qua PPTP, Truyền qua L2TP, Truyền qua IPsec và Truyền qua RTSP đã được bật theo mặc định.

Để bật/tắt cài đặt Truyền qua NAT, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > NAT Passthrough (Truyền qua NAT)**. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.

WAN - NAT Passthrough	
Enable NAT Passthrough to allow a Virtual Private Network (VPN) connection to pass through the router to the network clients.	
PPTP Passthrough	Enable ▾
L2TP Passthrough	Enable ▾
IPSec Passthrough	Enable ▾
RTSP Passthrough	Enable ▾
H.323 Passthrough	Enable ▾
SIP Passthrough	Enable ▾
PPPoE Relay	Disable ▾
FTP ALG port	2021
Apply	

3.12 Không dây

3.12.1 Chung

Thẻ General (Chung) cho phép bạn định cấu hình cài đặt không dây cơ bản.

Wireless - General

Set up the wireless related information below.

Enable Smart Connect ☒ ON

Smart Connect Dual-Band Smart Connect (2.4 GHz and 5 GHz) ▾

2.4/5 GHz

Network Name (SSID) 1152才是王道!

Hide SSID ☒ Yes ☐ No

Wireless Mode Auto ▾ ☒ Disable 11b

802.11ax / WiFi 6 mode Enable ▾ If compatibility issue occurs when enabling 802.11ax / WiFi 6 mode, please check [FAQ](#)

WiFi Agile Multiband Enable ▾

Target Wake Time Disable ▾

Authentication Method WPA2-Personal ▾ ?

WPA Encryption AES ▾

WPA Pre-Shared Key wireless

Protected Management Frames Disable ▾

Group Key Rotation Interval 3600

2.4 GHz

Channel bandwidth 20/40 MHz ▾

Control Channel Auto ▾ Current Control Channel: 11
☐ Auto select channel including channel 12, 13

Extension Channel Auto ▾

5 GHz

Channel bandwidth 20/40/80 MHz ▾

Control Channel Auto ▾ Current Control Channel: 112
☒ Auto select channel including DFS channels

Extension Channel Auto ▾

Apply

Để định cấu hình cài đặt không dây cơ bản:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > General (Chung)**.
2. Chọn 2.4GHz hoặc 5GHz làm băng tần cho mạng không dây của bạn.

3. Gán tên duy nhất chứa đến 32 ký tự cho SSID (Bộ định danh nhóm dịch vụ) hoặc tên mạng để nhận dạng mạng không dây của bạn. Các thiết bị Wi-Fi có thể nhận dạng và kết nối với mạng không dây qua SSID vừa gán của bạn. Các SSID trên biểu ngữ thông tin được cập nhật mỗi khi bạn lưu các SSID mới vào cài đặt.

LƯU Ý: Bạn có thể gán những SSID duy nhất cho các băng tần 2.4 GHz và 5GHz.

4. Trong mục **Hide SSID (Ẩn SSID)**, chọn **Yes (Có)** để chặn không cho các thiết bị không dây phát hiện SSID của bạn. Khi chức năng này được bật, bạn cần phải tự nhập SSID vào thiết bị không dây để truy cập mạng không dây.
5. Chọn một trong những tùy chọn chế độ không dây này để xác định các loại thiết bị không dây có thể kết nối với router không dây của bạn:
 - **Tự động:** Chọn **Auto (Tự động)** để cho phép các thiết bị 802.11AX, 802.11AC, 802.11n, 802.11g và 802.11b kết nối với router không dây.
 - **Truyền thống:** Chọn **Legacy (Truyền thống)** để cho phép các thiết bị 802.11b/g/n kết nối với router không dây. Tuy nhiên, phần cứng vốn hỗ trợ 802.11n sẽ chỉ chạy với tốc độ tối đa là 54Mbps.
 - **Chỉ N:** Chọn **N only (Chỉ N)** để tối đa hóa công suất N không dây. Cài đặt này chặn không cho các thiết bị 802.11g và 802.11b kết nối với router không dây.
6. Chọn kênh hoạt động/điều khiển cho router không dây. Chọn **Auto (Tự động)** để cho phép router không dây tự động chọn kênh có lượng tín hiệu nhiễu ít nhất.
7. Chọn băng thông kênh để phù hợp với các tốc độ truyền cao hơn:

40MHz: Chọn băng thông này để tối ưu hóa lưu lượng không dây.

20MHz (default) [20MHz (mặc định)]: Chọn băng thông này nếu bạn gặp phải một số sự cố kết nối không dây.

8. Chọn một trong các cách xác thực sau:

- **Open System (Hệ thống mở):** Tùy chọn này không cung cấp độ bảo mật.
- **WPA/WPA2 Personal/WPA Auto-Personal:** Tùy chọn này cung cấp độ bảo mật mạnh. Bạn có thể sử dụng cách mã hóa WPA (qua TKIP) hoặc WPA2 (qua AES) hoặc WPA3. Nếu chọn tùy chọn này, bạn phải sử dụng cách mã hóa TKIP + AES và nhập mật khẩu WPA (khóa mạng).
- **WPA/WPA2 Enterprise/WPA Auto-Enterprise:** Tùy chọn này cung cấp độ bảo mật rất mạnh. Nó dùng chung với máy chủ EAP tích hợp hoặc máy chủ xác thực phụ trợ RADIUS bên ngoài.

9. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.12.2 WPS

WPS (Thiết lập bảo vệ Wi-Fi) là chuẩn bảo mật không dây cho phép bạn dễ dàng kết nối các thiết bị với mạng không dây. Bạn có thể định cấu hình chức năng WPS qua mã PIN hoặc nút WPS.

LƯU Ý: Đảm bảo các thiết bị hỗ trợ WPS.

Wireless - WPS

WPS (Wi-Fi Protected Setup) provides easy and secure establishment of a wireless network. You can configure WPS here via the PIN code or the WPS button.

Enable WPS

ON

Current Frequency

2.4GHz

Connection Status

Idle

Configured

Yes

Reset

AP PIN Code

12345670

You can easily connect a WPS client to the network in either of these two ways:

- Method1: Click the WPS button on this interface (or press the physical WPS button on the router), then press the WPS button on the client's WLAN adapter and wait for about three minutes to make the connection.
- Method2: Start the client WPS process and get the client PIN code. Enter the client's PIN code on the Client PIN code field and click Start. Please check the user manual of your wireless client to see if it supports the WPS function. If your wireless client does not support the WPS function, you have to configure the wireless client manually and set the same network Name (SSID), and security settings as this router

WPS Method:

☒ Push button

☐ Client PIN Code

Start

Để bật WPS trên mạng không dây của bạn:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > WPS**.
2. Trong mục **Enable WPS (Bật WPS)**, chuyển con trượt sang **ON (BẬT)**.
3. Theo mặc định WPS sử dụng 2.4GHz. Nếu bạn muốn đổi tần số sang 5GHz, hãy **OFF (TẮT)** chức năng WPS, nhấp **Switch Frequency (Đổi tần số)** trong mục **Current Frequency (Tần số hiện hành)** và **ON (BẬT)** lại WPS.

LƯU Ý: WPS hỗ trợ cách xác thực qua cách mã hóa Open System, WPA-Personal, WPA2-Personal và WPA3-Personal. WPS không hỗ trợ mạng không dây sử dụng cách mã hóa WPA-Enterprise, WPA2-Enterprise.

4. Trong mục WPS Method (Phương thức WPS), chọn **Push Button (Nút ấn)** hoặc mã **Client PIN (PIN thiết bị khách)**. Nếu bạn chọn **Push Button (Nút ấn)**, chuyển sang bước 5. Nếu bạn chọn mã **Client PIN (PIN thiết bị khách)**, chuyển sang bước 6.
5. Để thiết lập WPS bằng nút WPS của router, thực hiện các bước sau:
 - a. Nhấn **Start (Bắt đầu)** hoặc nhấn nút WPS nằm ở phía sau router không dây.
 - b. Nhấn nút WPS trên thiết bị không dây của bạn. Nút này thường được nhận dạng qua logo WPS.

LƯU Ý: Kiểm tra thiết bị không dây của bạn hoặc sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị để biết vị trí của nút WPS.

- c. Router không dây sẽ dò tìm bất kỳ thiết bị WPS nào khả dụng. Nếu router không dây không tìm thấy bất kỳ thiết bị WPS nào, nó sẽ chuyển sang chế độ chờ.
6. Để thiết lập WPS bằng mã PIN thiết bị khách, thực hiện các bước sau:
 - a. Xác định mã PIN WPS trên sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị không dây hoặc trên chính thiết bị.
 - b. Nhập mã PIN thiết bị khách vào ô văn bản.
 - c. Nhấn **Start (Bắt đầu)** để đặt router không dây vào chế độ khảo sát WPS. Các đèn báo LED trên router sẽ nhấp nháy nhanh ba lần cho đến khi hoàn tất thiết lập WPS.

3.12.3 Cầu nối

Bridge (Cầu nối) hoặc WDS (Hệ thống phân phối không dây) cho phép router không dây ASUS kết nối riêng với một bộ thu phát không dây khác, chặn không cho các thiết bị hoặc trạm không dây khác truy cập router không dây ASUS của bạn. Nó cũng có thể được xem như là bộ chuyển tiếp không dây nơi router không dây ASUS của bạn kết nối với một bộ thu phát không dây khác và các thiết bị không dây khác.

Wireless - Bridge

Bridge (or named WDS - Wireless Distribution System) function allows your RT-AX55 to connect to an access point wirelessly. WDS may also be considered a repeater mode.

Note:

The function only support [Open System/NONE, Open System/WEPI] security authentication method. To set up the corresponding authentication method, please select Legacy as your wireless mode first. [Click Here to modify.](#) Please refer to this [FAQ](#) for more details.

To enable WDS to extend the wireless signal, please follow these steps :

1. Select [WDS Only] or [Hybrid] mode and add MAC address of APs in Remote AP List.
2. Ensure that this wireless router and the AP you want to connect to use the same channel.
3. Key in the remote AP mac in the remote AP list and open the remote APs WDS management interface, key in the this router's MAC address.
4. To get the best performance, please go to Advanced Settings > Wireless > General and assign the same channel bandwidth, control channel, and extension channel to every router in the network.

You are currently using the Auto channel bandwidth. [Click Here to modify.](#)

You are currently using the Auto channel. [Click Here to modify.](#)

Basic Config

2.4GHz MAC

00:90:4C:32:80:00

5GHz MAC

00:90:4C:30:70:00

Band

2.4GHz ▾

AP Mode

AP Only ▾

Connect to APs in list

☒ Yes ☐ No

Remote AP List (Max Limit : 4)

Remote AP List

Add / Delete

No data in table.

Apply

Để thiết lập cầu nối không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > WDS**.
2. Chọn băng tần cho cầu nối không dây.

3. Trong mục **AP Mode (Chế độ AP)**, chọn một trong các tùy chọn sau:
- **AP Only (Chỉ AP)**: Tắt chức năng Wireless Bridge (Cầu nối không dây).
 - **WDS Only (Chỉ WDS)**: Bật chức năng Wireless Bridge (Cầu nối không dây) nhưng chặn không cho các thiết bị/trạm không dây khác kết nối với router.
 - **HYBRID**: Bật chức năng Wireless Bridge (Cầu nối không dây) và cho phép các thiết bị/trạm không dây khác kết nối với router.

LƯU Ý: Ở chế độ Hybrid, các thiết bị không dây đã kết nối với router không dây ASUS sẽ chỉ nhận một nửa tốc độ kết nối của Bộ thu phát không dây (AP).

4. Trong mục **Connect to APs in list (Kết nối các AP trong danh sách)**, nhấp **Yes (Có)** nếu bạn muốn kết nối với Bộ thu phát không dây có trong Remote AP List (Danh sách AP từ xa).
5. Trong trường **Control Channel (Kênh Điều khiển)**, chọn kênh vận hành cho cầu nối không dây. Chọn **Auto (Tự động)** để cho phép bộ định tuyến tự động chọn kênh có ít nhiễu nhất.

LƯU Ý: Việc có sẵn kênh sẽ khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực.

6. Trên Remote AP List (Danh sách AP từ xa), nhập địa chỉ MAC và nhấp nút **Add (Thêm)**  để nhập địa chỉ MAC của các Bộ thu phát không dây khả dụng khác.

LƯU Ý: Bất kỳ Bộ thu phát không dây nào đã thêm vào danh sách phải ở trên cùng Kênh điều khiển với router không dây ASUS.

7. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.12.4 Bộ lọc MAC không dây

Bộ lọc MAC không dây cho phép kiểm soát các gói tin được truyền sang địa chỉ MAC (Kiểm soát truy cập truyền thông) đã chọn trên mạng không dây của bạn.

Wireless - Wireless MAC Filter

Wireless MAC filter allows you to control packets from devices with specified MAC address in your Wireless LAN.

Basic Config

Band: 2.4GHz

Enable MAC Filter: ☒ Yes ☐ No

MAC Filter Mode: Accept

MAC filter list (Max Limit : 64)

Client Name (MAC Address)	Add / Delete

No data in table.

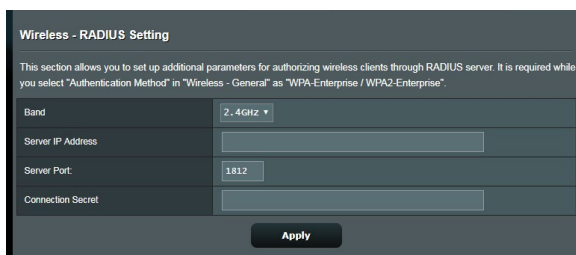
Apply

Để thiết lập bộ lọc MAC không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > Wireless MAC Filter (Bộ lọc MAC không dây)**.
2. Chọn **Yes (Có)** trong mục **Enable Mac Filter (Bật bộ lọc MAC)**.
3. Trong danh sách **MAC Filter Mode (Chế độ bộ lọc MAC)** sổ xuống, chọn **Accept (Chấp nhận)** hoặc **Reject (Từ chối)**.
 - Chọn **Accept (Chấp nhận)** để cho phép các thiết bị trong danh sách bộ lọc MAC truy cập mạng không dây.
 - Chọn **Reject (Từ chối)** để chặn không cho các thiết bị trong danh sách bộ lọc MAC truy cập mạng không dây.
4. Trên danh sách bộ lọc MAC, nhấn nút **Add (Thêm)** và nhập địa chỉ MAC của thiết bị không dây.
5. Nhấn **Apply (Áp dụng)**.

3.12.5 Cài đặt RADIUS

Cài đặt RADIUS (Quay số xác thực từ xa trong dịch vụ người dùng) cung cấp lớp bảo mật bổ sung khi bạn chọn cách mã hóa WPA-Enterprise, WPA2-Enterprise, WPA3-Enterprise hoặc Radius qua 802.1x làm Chế độ xác thực.



Để thiết lập cài đặt RADIUS không dây:

1. Đảm bảo mã xác thực của router không dây được cài sang WPA-Enterprise, WPA2-Enterprise.

LƯU Ý: Hãy tham khảo phần **3.12.1 Cài đặt chung** để định cấu hình Chế độ xác thực cho router không dây.

2. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > RADIUS Setting (Cài đặt RADIUS)**.
3. Chọn băng tần.
4. Trong mục **Server IP Address (Địa chỉ IP máy chủ)**, nhập Địa chỉ IP của máy chủ RADIUS.
5. Trong mục **Connection Secret (Bí mật kết nối)**, gán mật khẩu để truy cập máy chủ RADIUS của bạn.
6. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

3.12.6 Chuyên nghiệp

Màn hình Professional (Chuyên nghiệp) cung cấp các tùy chọn cấu hình nâng cao.

LƯU Ý: Chúng tôi đề nghị bạn sử dụng các giá trị mặc định trên trang này.

Wireless - Professional

Wireless Professional Setting allows you to set up additional parameters for wireless. But default values are recommended.
* Reminder: The System time zone is different from your locale setting.

Band	2.4GHz ▾
Enable Radio	☒ Yes ☐ No
Enable wireless scheduler	☐ Yes ☒ No
Set AP Isolated	☐ Yes ☒ No
Roaming assistant	Enable ▾ Disconnect clients with RSSI lower than -55 dBm
Bluetooth Coexistence	Disable ▾
Enable IGMP Snooping	Disable ▾
Multicast Rate(Mbps)	Auto ▾
Preamble Type	Long ▾
AMPSDU RTS	Enable ▾
RTS Threshold	2347
DTIM Interval	3
Beacon Interval	100
Enable TX Bursting	Enable ▾
Enable WMM	Enable ▾
Enable WMM No-Acknowledgement	Disable ▾
Enable WMM APSD	Enable ▾
Modulation Scheme	up to MCS 11 (802.11n/1024-QAM) ▾
Airtime Fairness	Enable ▾
Multi-User MIMO	Enable ▾
Explicit Beamforming	Enable ▾
Universal Beamforming	Enable ▾

Apply

Trong màn hình **Professional Settings (Cài đặt chuyên nghiệp)**, bạn có thể định cấu hình các mục sau:

- **Band (Băng tần):** Chọn băng tần mà các cài đặt chuyên nghiệp sẽ được áp dụng.
- **Enable Radio (Bật vô tuyến):** Chọn **Yes (Có)** để bật kết nối mạng không dây. Chọn **No (Không)** để tắt kết nối mạng không dây.

- **Bật Wireless scheduler (Trình lập lịch không dây):** Bạn có thể chọn định dạng đồng hồ dưới dạng 24 giờ hoặc 12 giờ. Màu sắc trong bảng cho biết Allow (Cho phép) hoặc Deny (Từ chối)> Nhấp từng khung hình để thay đổi cài đặt giờ của các ngày trong tuần và nhấp **OK** khi hoàn tất.

Wireless - Professional

Thu, Oct 19 14:38:52 2023

	00:00	04:00	08:00	12:00	16:00	20:00	24:00
SUN							
MON							
TUE							
WED							
THU							
FRI							
SAT							

☒ Offtime Schedule
 ☐ Disabled Offtime Schedule

Clear all Cancel Apply

- **Set AP isolated (Cài AP cách ly):** Mục Cài AP cách ly chặn không cho các thiết bị không dây trên mạng của bạn kết nối với nhau. Tính năng này là hữu ích nếu nhiều khách truy cập thường xuyên kết nối hoặc thoát khỏi mạng của bạn. Chọn **Yes (Có)** để bật tính năng này hoặc chọn **No (Không)** để tắt.
- **Multicast rate (Tốc độ truyền đa phương) (Mbps):** Chọn tốc độ truyền đa phương hoặc nhấp **Disable (Tắt)** để tắt truyền riêng cùng lúc.
- **Preamble Type (Kiểu mở đầu):** Kiểu mở đầu xác định thời lượng mà router đã dùng cho CRC (Sự kiểm tra tính dư vòng). CRC là cách phát hiện các lỗi trong khi truyền tải dữ liệu. Chọn **Short (Ngắn)** cho mạng không dây bạn với lưu lượng mạng cao. Chọn **Long (Lâu)** nếu mạng không dây của bạn bao gồm các thiết bị không dây truyền thống hoặc cũ hơn.

- **RTS Threshold (Ngưỡng RTS):** Chọn giá trị thấp hơn cho Ngưỡng RTS (Yêu cầu gửi) để cải thiện kết nối không dây trong mạng không dây bận hoặc nhiễu với lưu lượng mạng cao và nhiễu thiết bị không dây.
- **DTIM Interval (Thời lượng DTIM):** Thời lượng DTIM (Tin báo lưu lượng đã gửi) hoặc Data Beacon Rate (Tốc độ mốc báo dữ liệu) là thời lượng trước khi tín hiệu được gửi cho thiết bị không dây ở chế độ chờ cho biết gói dữ liệu đang chờ gửi đi. Giá trị mặc định là ba miligiây.
- **Beacon Interval (Thời lượng mốc báo):** Thời lượng mốc báo là thời gian giữa DTIM này và DTIM kế tiếp. Giá trị mặc định là 100 miligiây. Giảm giá trị Thời lượng mốc báo cho kết nối không dây không ổn định hoặc cho các thiết bị chuyển vùng.
- **Enable TX Bursting (Bật TX Bursting):** Bật TX Bursting giúp cải thiện tốc độ truyền giữa router không dây và các thiết bị 802.11g.
- **Enable WMM APSD (Bật WMM APSD):** Bật WMM APSD (Truyền tải tiết kiệm nguồn tự động đa phương tiện Wi-Fi) để cải thiện quản lý nguồn giữa các thiết bị không dây. Chọn **Disable (Tắt)** để tắt WMM APSD.

4 Tiện ích

GHI CHÚ:

- Tải về và cài đặt các tiện ích của router không dây từ trang web ASUS:
 - Phát hiện thiết bị v1.4.7.1 tại https://dlcdnets.asus.com/pub/ASUS/wireless/ASUSWRT/Discovery_1483.zip?model=RT-AX52
 - Phục hồi firmware v1.9.0.4 tại https://dlcdnets.asus.com/pub/ASUS/wireless/GT-AX6000/Rescue_2103.zip?model=RT-AX52
 - Các tiện ích này không được hỗ trợ trên HĐH MAC.
-

4.1 Phát hiện thiết bị

Phát hiện thiết bị là tiện ích WLAN ASUS giúp phát hiện thiết bị router không dây ASUS, và cho phép bạn định cấu hình các cài đặt nối mạng không dây.

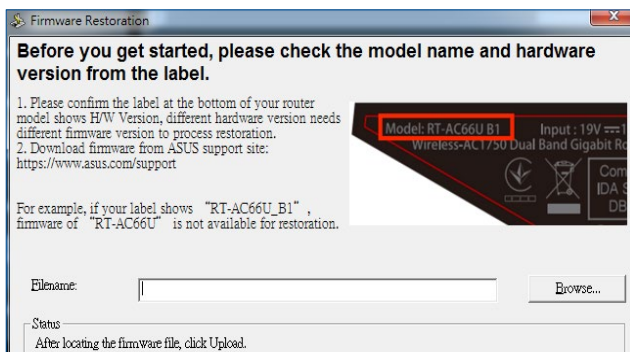
Để bật tiện ích Device Discovery (Phát hiện thiết bị):

- Từ màn hình nền máy tính, nhấp **Start (Bắt đầu) > All Programs (Mọi chương trình) > ASUS Utility (Tiện ích ASUS) > Wireless Router (Router không dây) > Device Discovery (Phát hiện thiết bị)**.

LƯU Ý: Khi cài router sang chế độ Access Point (Bộ thu phát không dây), bạn cần dùng tiện ích Phát hiện thiết bị để nhận địa chỉ IP của router.

4.2 Phục hồi firmware

Phục hồi firmware được sử dụng trên Router không dây ASUS vốn đã bị lỗi trong quá trình nâng cấp firmware liên quan. Nó tải lên firmware mà bạn đã chọn. Tiến trình mất khoảng ba đến bốn phút.



QUAN TRỌNG! Bật chế độ cứu nguy trên router trước khi sử dụng tiện ích Phục hồi firmware.

LƯU Ý: Tính năng này không được hỗ trợ trên HĐH MAC.

Để bật chế độ cứu nguy và sử dụng tiện ích Phục hồi firmware:

1. Ngắt router không dây khỏi nguồn điện.
2. Giữ nút Reset (Khởi động lại) ở phía sau và đồng thời cắm lại router không dây vào nguồn điện. Nhả nút Reset (Khởi động lại) khi đèn LED nguồn ở phía trước nhấp nháy chậm - cho biết router không dây đang ở chế độ cứu nguy.
3. Cài IP tĩnh trên máy tính và sử dụng các mục sau để thiết lập cài đặt TCP/IP:

IP address (Địa chỉ IP): 192.168.50.1

Subnet mask (Mặt nạ mạng phụ): 255.255.255.0

4. Từ màn hình nền máy tính, nhấp **Start (Bắt đầu) > All Programs (Mọi chương trình) > ASUS Utility (Tiện ích ASUS) > Wireless Router (Router không dây) > Firmware Restoration (Phục hồi firmware)**.
5. Chọn file firmware rồi nhấp **Upload (Tải lên)**.

LƯU Ý: Đây là tiện ích nâng cấp firmware và bạn không thể sử dụng tiện ích này trên Router không dây ASUS đang hoạt động. Các nâng cấp firmware thông thường phải được thực hiện qua giao diện web. Tham khảo **Chương 3: Định cấu hình Cài đặt chung và nâng cao** để biết thêm chi tiết.

5 Khắc phục sự cố

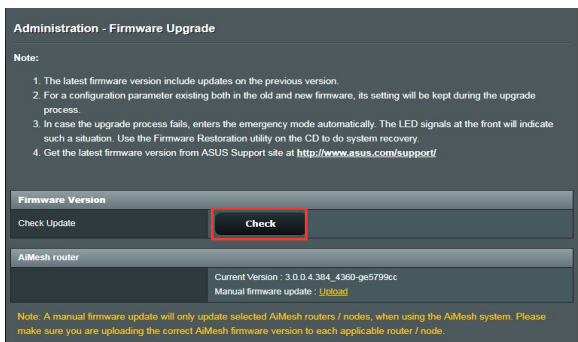
Chương này cung cấp giải pháp cho các sự cố mà bạn có thể gặp phải với router. Nếu bạn gặp phải các sự cố chưa được đề cập trong chương này, hãy truy cập trang hỗ trợ ASUS tại: <https://www.asus.com/support/> để biết thêm thông tin về sản phẩm và chi tiết liên lạc của Đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật ASUS.

5.1 Khắc phục sự cố cơ bản

Nếu bạn đang gặp phải các sự cố với router, hãy thử các bước cơ bản sau trong phần này trước khi tìm kiếm thêm giải pháp.

Nâng cấp firmware lên phiên bản mới nhất.

1. Bật GUI web. Vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **Administration (Quản lý)** > **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**. Nhấp **Check (Kiểm tra)** để kiểm tra xem firmware mới nhất có sẵn hay không.



2. Nếu firmware mới nhất có sẵn, hãy truy cập trang web toàn cầu ASUS tại <https://www.asus.com/Networking/RT-AX52/HelpDesk/> để tải về firmware mới nhất.
3. Từ trang **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**, nhấp **Browse (Duyệt)** để xác định file firmware.
4. Nhấp **Upload (Tải lên)** để nâng cấp firmware.

Khởi động lại mạng của bạn theo trình tự sau:

1. Tắt modem.
2. Ngắt kết nối modem.
3. Tắt router và các máy tính.
4. Kết nối lại modem.
5. Bật modem rồi đợi trong 2 phút.
6. Bật router rồi đợi trong 2 phút.
7. Bật các máy tính.

Kiểm tra xem các cáp ethernet của bạn đã được cắm thích hợp hay chưa.

- Khi đã cắm thích hợp cáp ethernet kết nối router với modem, đèn LED WAN sẽ bật lên.
- Khi đã cắm thích hợp cáp kết nối máy tính đã bật với router, đèn LED LAN tương ứng sẽ bật lên.

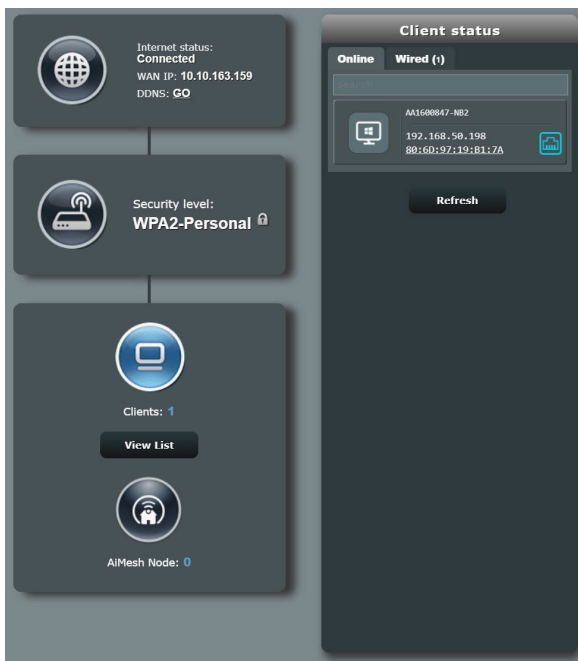
Kiểm tra xem cài đặt không dây trên máy tính có khớp với cài đặt trên máy tính hay không.

- Khi bạn kết nối máy tính với router qua mạng không dây, đảm bảo SSID (tên mạng không dây), cách mã hóa và mật khẩu phải đúng.

Kiểm tra xem các cài đặt mạng của bạn có đúng không.

- Từng thiết bị khách trên mạng phải có một địa chỉ IP hợp lệ. ASUS đề nghị bạn nên sử dụng máy chủ DHCP của router không dây để gán địa chỉ IP cho các máy tính trên mạng.

- Một số nhà cung cấp dịch vụ modem có dây yêu cầu bạn sử dụng địa chỉ MAC của máy tính được đăng ký lần đầu trên tài khoản. Bạn có thể xem địa chỉ MAC trên trang GUI web, **Network Map (Sơ đồ mạng) > Clients (Thiết bị khách)**, và di chuyển con trỏ chuột lên thiết bị của bạn trong **Client status (Tình trạng thiết bị khách)**.

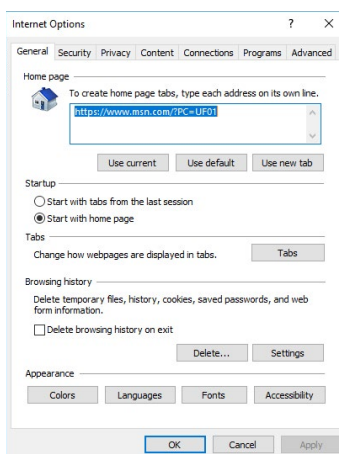


5.2 Những câu hỏi thường gặp (FAQs)

Tôi không thể truy cập GUI của router bằng trình duyệt web

- Nếu máy tính của bạn được kết nối mạng có dây, hãy kiểm tra kết nối cáp ethernet và tình trạng đèn LED như mô tả ở phần trước.
- Đảm bảo bạn đang sử dụng thông tin đăng nhập chính xác. Tên đăng nhập và mật khẩu mặc định gốc là “admin/admin”. Đảm bảo phím Caps Lock đã được tắt khi bạn nhập thông tin đăng nhập.
- Xóa các cookie và file trong trình duyệt web của bạn. Đối với Internet Explorer, thực hiện theo các bước sau:

1. Bật Internet Explorer rồi nhấp **Tools (Công cụ) > Internet Options (Tùy chọn internet)**.
2. Trong thẻ **General (Chung)**, dưới **Browsing history (Lược sử duyệt)**, nhấp **Delete (Xóa)...**, chọn **Temporary Internet files and website files (Tập tin internet tạm thời và tập tin trang web)** và **Cookies and website data (Cookies và dữ liệu trang web)** rồi nhấp **Delete (Xóa)**.



GHI CHÚ:

- Các lệnh xóa cookie và file sẽ khác nhau tùy theo trình duyệt web.
- Tắt cài đặt máy chủ ủy nhiệm, hủy kết nối qua điện thoại và thiết lập cài đặt TCP/IP để nhận các địa chỉ IP tự động. Để biết thêm chi tiết, tham khảo Chương 1 trong sổ hướng dẫn sử dụng này.
- Đảm bảo bạn sử dụng các cáp ethernet CAT5e hoặc CAT6.

Máy khách không thể thiết lập kết nối không dây với router.

LƯU Ý: Nếu đang gặp các sự cố kết nối với mạng 5GHz, đảm bảo thiết bị không dây của bạn hỗ trợ 5GHz hoặc tích hợp các tính năng băng tần kép.

- **Ngoài vùng phủ sóng:**
 - Di chuyển router đến gần hơn với thiết bị khách không dây.
 - Thử chỉnh các ăngten của router sang hướng tốt nhất như mô tả ở phần **1.4 Bố trí router của bạn**.
- **Máy chủ DHCP đã bị tắt:**
 1. Bật GUI web. Vào **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng) > Clients (Thiết bị khách)** và dò tìm thiết bị bạn muốn kết nối với router.
 2. Nếu bạn không tìm thấy thiết bị trong **Network Map (Sơ đồ mạng)**, hãy vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > LAN > DHCP Server (Máy chủ)**, d.sách **Basic Config (Cấu hình cơ bản)**, chọn **Yes (Có)** trên **Enable the DHCP Server (Bật máy chủ DHCP)**.

LAN - DHCP Server

DHCP (Dynamic Host Configuration Protocol) is a protocol for the automatic configuration used on IP networks. The DHCP server can assign each client an IP address and informs the client of the DNS server IP and default gateway IP. RT-AX52 supports up to 253 IP addresses for your local network.
[Manually Assigned IP around the DHCP list FAQ](#)

Basic Config

Enable the DHCP Server

Yes

No

RT-AX52's Domain Name

IP Pool Starting Address

192.168.50.2

IP Pool Ending Address

192.168.50.254

Lease time (seconds)

86400

Default Gateway

DNS and WINS Server Setting

DNS Server 1

DNS Server 2

Advertise router's IP in addition to user-specified DNS

Yes

No

WINS Server

Manual Assignment

Enable Manual Assignment

Yes

No

Manually Assigned IP around the DHCP list (Max Limit : 64)

Client Name (MAC Address)	IP Address	DNS Server (Optional)	Host Name (Optional)	Add / Delete
No data in table.				

Apply

- SSID đã bị ẩn. Nếu thiết bị của bạn có thể tìm thấy các SSID từ những router khác nhưng không tìm thấy SSID cho router của bạn, hãy vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > General (Chung)**, chọn **No (Không)** trên **Hide SSID (Ẩn SSID)**, và chọn **Auto (Tự động)** trên **Control Channel (Kênh điều khiển)**.

Wireless - General

Set up the wireless related information below.

Enable Smart Connect	☒ ON
Smart Connect	Dual-Band Smart Connect (2.4 GHz and 5 GHz) ▾
2.4 GHz	
Network Name (SSID)	1152才是王道!
Hide SSID	☐ Yes ☒ No
Wireless Mode	Auto ▾ Disable 11b
802.11ax / WiFi 6 mode	Enable ▾ If compatibility issue occurs when enabling 802.11ax / WiFi 6 mode, please check FAQ
WiFi Agile Multiband	Enable ▾
Target Wake Time	Disable ▾
Authentication Method	WPA2-Personal ▾ ⓘ
WPA Encryption	AES ▾
WPA Pre-Shared Key	wireless
Protected Management Frames	Disable ▾
Group Key Rotation Interval	3600
2.4 GHz	
Channel bandwidth	20/40 MHz ▾
Control Channel	Auto ▾ Current Control Channel: 11 ☐ Auto select channel including channel 12, 13
Extension Channel	Auto ▾
5 GHz	
Channel bandwidth	20/40/80 MHz ▾
Control Channel	Auto ▾ Current Control Channel: 112 ☒ Auto select channel including DFS channels
Extension Channel	Auto ▾

Apply

- Nếu bạn đang sử dụng adapter LAN không dây, kiểm tra xem kênh không dây đang dùng có tương thích với các kênh có sẵn trong nước/khu vực của bạn hay không. Nếu không, hãy chỉnh kênh, băng thông kênh và chế độ không dây.

- Nếu vẫn không thể kết nối không dây với router, bạn có thể cài lại router về cài đặt mặc định gốc. Trong GUI của router, nhấp **Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)** và nhấp **Restore (Phục hồi)**.

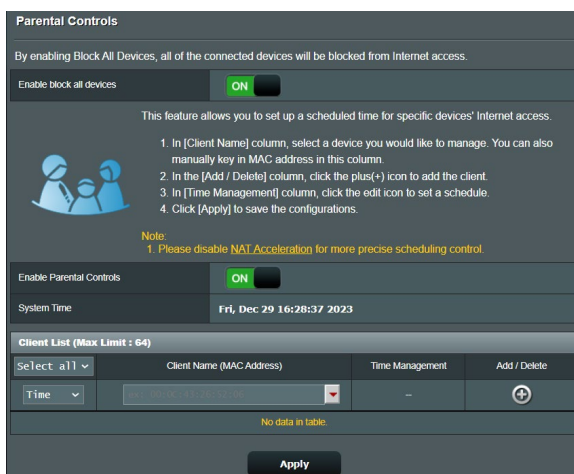


Không thể truy cập internet.

- Kiểm tra xem router của bạn có thể kết nối với địa chỉ IP mạng WAN từ nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) hay không. Để thực hiện điều này, bật GUI web và vào **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng)**, và kiểm tra **Internet status (Tình trạng internet)**.
- Nếu router không thể kết nối với địa chỉ IP WAN của ISP, thử khởi động lại mạng của bạn như mô tả ở phần **Restart your network in following sequence (Khởi động lại mạng theo trình tự sau)** trong **Basic Troubleshooting (Khắc phục sự cố cơ bản)**.



- Thiết bị đã bị chặn qua chức năng Kiểm soát cha mẹ. Vào **General (Chung) > Parental Controls (Kiểm soát cha mẹ)** và nhìn xem thiết bị có nằm trên danh sách hay không. Nếu thiết bị được liệt kê trong **Client Name (Tên thiết bị khách)**, tháo thiết bị bằng nút **Delete (Xóa)** hoặc chỉnh Time Management Settings (Cài đặt quản lý giờ).



- Nếu vẫn không thể truy cập internet, thử khởi động lại máy tính và kiểm tra các mục IP address (địa chỉ IP) và gateway address (địa chỉ cổng nối) của mạng.
- Kiểm tra các đèn báo tình trạng trên modem ADSL và router không dây. Nếu đèn LED WAN trên router không dây chưa bật, kiểm tra xem mọi loại cáp đã được cắm thích hợp chưa.

Bạn đã quên SSID (tên mạng) hoặc mật khẩu mạng

- Thiết lập SSID và khóa mã hóa mới qua kết nối có dây (cáp ethernet). Bật web GUI, vào **Network Map (Sơ đồ mạng)**, nhấp biểu tượng router, nhập SSID và khóa mã hóa mới và sau đó nhấp **Apply (Áp dụng)**.
- Cài lại router của bạn về cài đặt mặc định. Bật web GUI, vào **Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)** và nhấp **Restore (Phục hồi)**. Cả tên đăng nhập và mật khẩu mặc định đều là “admin”.

Cách phục hồi hệ thống về cài đặt mặc định?

- Vào **Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)** và nhấp **Restore (Phục hồi)**.

Không thể nâng cấp firmware.

Bật chế độ cứu nguy và chạy tiện ích Phục hồi firmware. Tham khảo phần **4.2 Phục hồi firmware** để biết cách sử dụng tiện ích Phục hồi firmware.

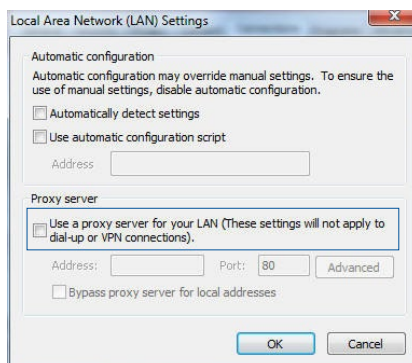
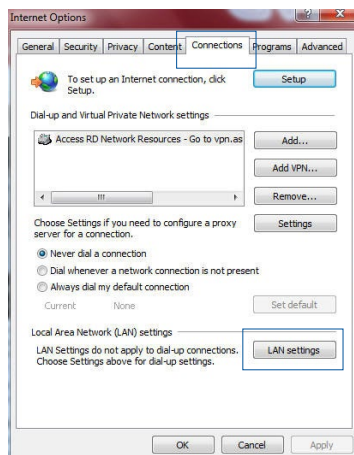
Không thể truy cập GUI web

Trước khi định cấu hình router không dây của bạn, thực hiện các bước mô tả trong phần này cho máy tính chủ và các thiết bị khách nối mạng.

A. Tắt máy chủ ủy nhiệm, nếu đã bật.

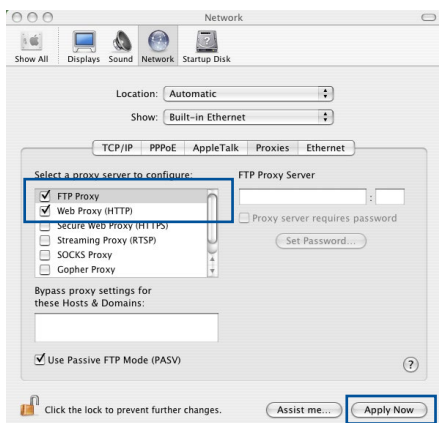
Windows®

1. Nhấp **Start (Bắt đầu)** > **Internet Explorer** để bật trình duyệt này.
2. Nhấp **Tools (Công cụ)** > **Internet options (Tùy chọn internet)** > **Connections (Kết nối)** > **LAN settings (Cài đặt LAN)**.
3. Từ màn hình Local Area Network (LAN) Settings (Cài đặt mạng cục bộ (LAN)), bỏ chọn **Use a proxy server for your LAN (Dùng máy chủ ủy nhiệm cho LAN)**.
4. Nhấp **OK** khi hoàn tất.



HĐH MAC

1. Từ trình duyệt Safari, nhấn **Safari > Preferences (Ưu tiên) > Advanced (Nâng cao) > Change Settings... (Thay đổi cài đặt...)**.
2. Từ màn hình Network (Mạng), bỏ chọn **FTP Proxy** và **Web Proxy (HTTP)**.
3. Nhấp **Apply Now (Áp dụng ngay)** khi hoàn tất.

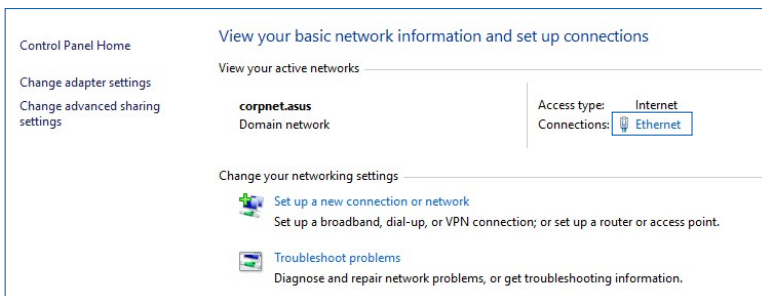


LƯU Ý: Tham khảo tính năng trợ giúp trên trình duyệt để biết chi tiết về cách tắt máy chủ ủy nhiệm.

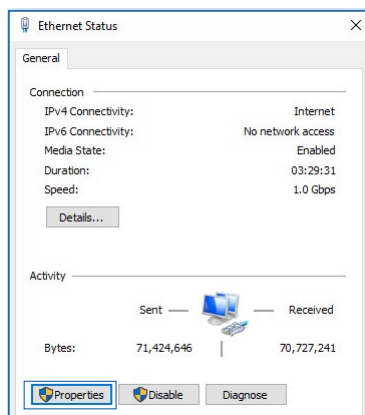
B. Thực hiện cài đặt TCP/IP để tự động nhận địa chỉ IP.

Windows®

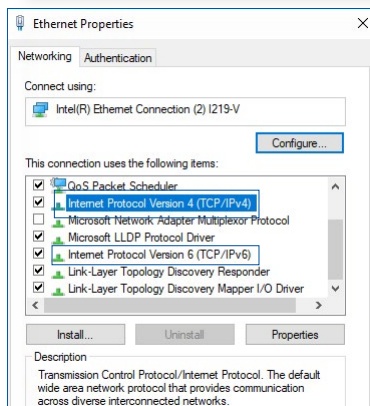
1. Nhấp **Start (Bắt đầu) > Control Panel (Bảng điều khiển) > Network and Sharing Center (Trung tâm mạng và chia sẻ)**, sau đó nhấp vào kết nối mạng để hiển thị cửa sổ trạng thái liên quan.



2. Nhấp **Properties (Thuộc tính)** để hiển thị cửa sổ Ethernet Properties (Thuộc tính ethernet).



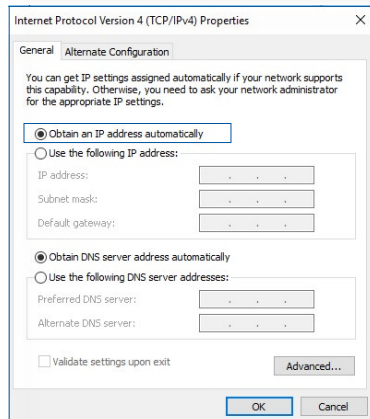
3. Chọn **Internet Protocol Version (P.bản giao thức internet) 4 (TCP/IPv4)** hoặc **Internet Protocol Version (P.bản giao thức internet) 6 (TCP/IPv6)**, sau đó nhấp **Properties (Thuộc tính)**.



4. Để nhận các cài đặt IP IPv4 tự động, chọn **Obtain an IP address automatically (Nhận địa chỉ IP tự động)**.

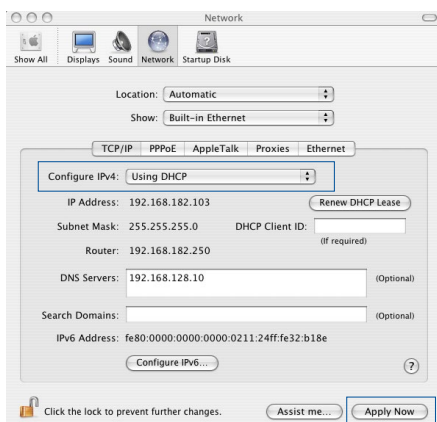
Để nhận các cài đặt IP IPv6 tự động, chọn **Obtain an IPv6 address automatically (Nhận địa chỉ IPv6 tự động)**.

5. Nhấp **OK** khi hoàn tất.



HHH MAC

1. Nhấp biểu tượng Apple nằm ở góc trái phía trên màn hình của bạn.
2. Nhấp **System Preferences (Ưu tiên hệ thống) > Network (Mạng) > Configure... (Định cấu hình...)**.
3. Từ thẻ **TCP/IP**, chọn **Using DHCP (Sử dụng DHCP)** trong d.sách **Configure IPv4 (Định cấu hình IPv4)** sổ xuống.
4. Nhấp **Apply Now (Áp dụng ngay)** khi hoàn tất.

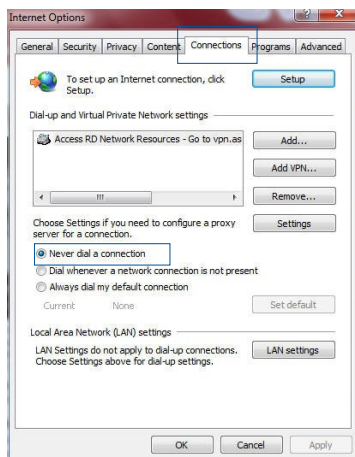


LƯU Ý: Tham khảo tính năng trợ giúp và hỗ trợ trên hệ điều hành để biết chi tiết về cách định cấu hình các cài đặt TCP/IP của máy tính.

C. Tắt kết nối qua điện thoại, nếu đã bật.

Windows®

1. Nhấp **Start (Bắt đầu) > Internet Explorer** để bật trình duyệt này.
2. Nhấp **Tools (Công cụ) > Internet options (Tùy chọn internet) > Connections (Kết nối)**.
3. Chọn **Never dial a connection (Không bao giờ gọi kết nối)**.
4. Nhấp **OK** khi hoàn tất.



LƯU Ý: Tham khảo tính năng trợ giúp trên trình duyệt để biết chi tiết về cách tắt kết nối mạng qua điện thoại.

Phụ lục

Thông báo

This device is an Energy Related Product (ErP) with High Network Availability (HiNA), the power consumption will be less than 12watts when the system is in network standby mode (idle mode).

ASUS Recycling/Takeback Services

ASUS recycling and takeback programs come from our commitment to the highest standards for protecting our environment. We believe in providing solutions for you to be able to responsibly recycle our products, batteries, other components, as well as the packaging materials. Please go to <http://csr.asus.com/english/Takeback.htm> for the detailed recycling information in different regions.

REACH

Complying with the REACH (Registration, Evaluation, Authorisation, and Restriction of Chemicals) regulatory framework, we published the chemical substances in our products at ASUS REACH website at

<http://csr.asus.com/english/index.aspx>

Federal Communications Commission Statement

This device complies with Part 15 of the FCC Rules. Operation is subject to the following two conditions:

- This device may not cause harmful interference.
- This device must accept any interference received, including interference that may cause undesired operation.

This equipment has been tested and found to comply with the limits for a class B digital device, pursuant to part 15 of the FCC

Rules. These limits are designed to provide reasonable protection against harmful interference in a residential installation.

This equipment generates, uses and can radiate radio frequency energy and, if not installed and used in accordance with the instructions, may cause harmful interference to radio communications. However, there is no guarantee that interference will not occur in a particular installation. If this equipment does cause harmful interference to radio or television reception, which can be determined by turning the equipment off and on, the user is encouraged to try to correct the interference by one or more of the following measures:

- Reorient or relocate the receiving antenna.
- Increase the separation between the equipment and receiver.
- Connect the equipment into an outlet on a circuit different from that to which the receiver is connected.
- Consult the dealer or an experienced radio/TV technician for help.

IMPORTANT! This device within the 5.15 ~ 5.25 GHz is restricted to indoor operations to reduce any potential for harmful interference to co-channel MSS operations.

CAUTION! Any changes or modifications not expressly approved by the party responsible for compliance could void the user's authority to operate the equipment.

Prohibition of Co-location

This device and its antenna(s) must not be co-located or operating in conjunction with any other antenna or transmitter except in accordance with FCC multi-transmitter product procedures. For product available in the USA/Canada market, only channel 1~11 can be operated. Selection of other channels is not possible.

Safety Information

To maintain compliance with FCC's RF exposure guidelines, this equipment should be installed and operated with minimum distance 20cm between the radiator and your body. Use on the supplied antenna.

Declaration of Conformity for Ecodesign directive 2009/125/EC

Testing for eco-design requirements according to (EC) No 1275/2008 and (EU) No 801/2013 has been conducted. When the device is in Networked Standby Mode, its I/O and network interface are in sleep mode and may not work properly. To wake up the device, press the Wi-Fi on/off, LED on/off, reset, or WPS button.

Simplified EU Declaration of Conformity

ASUSTek Computer Inc. hereby declares that this device is in compliance with the essential requirements and other relevant provisions of Directive 2014/53/EU. Full text of EU declaration of conformity is available at <https://www.asus.com/support/>.

This equipment complies with EU radiation exposure limits set forth for an uncontrolled environment. This equipment should be installed and operated with minimum distance 24 cm between the radiator & your body.

All operational modes:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40),
802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ax(HE20),
802.11ax(HE40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20),
802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80), 802.11ax(HE20),
802.11ax(HE40), 802.11ax(HE80)

The frequency, mode and the maximum transmitted power in EU are listed below:

- 2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.96 dBm
- 5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCS0): 22.97 dBm
- 5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCS0): 22.97 dBm
- 5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCS0): 29.98 dBm

The device is restricted to indoor use only when operating in the 5150 to 5350 MHz frequency range.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR	UA	

Canada, Industry Canada (IC) Notices

This device complies with Industry Canada’s license-exempt RSSs. Operation is subject to the following two conditions: (1) this device may not cause interference, and (2) this device must accept any interference, including interference that may cause undesired operation of the device.

The device for operation in the band 5150–5250 MHz is only for indoor use to reduce the potential for harmful interference to co-channel mobile satellite systems.

Radio Frequency (RF) Exposure Information

The radiated output power of the ASUS Wireless Device is below the Industry Canada (IC) radio frequency exposure limits. The ASUS Wireless Device should be used in such a manner such that the potential for human contact during normal operation is minimized.

This equipment should be installed and operated with a minimum distance of 20 cm between the radiator and any part of your body.

This device has been certified for use in Canada. Status of the listing in the Industry Canada's REL (Radio Equipment List) can be found at the following web address:

<http://www.ic.gc.ca/app/sitt/reltel/srch/nwRdSrch.do?lang=eng>

Additional Canadian information on RF exposure also can be found at the following web:

<http://www.ic.gc.ca/eic/site/smt-gst.nsf/eng/sf08792.html>

Canada, avis d'Industry Canada (IC)

Le présent appareil est conforme aux CNR d'Industrie Canada applicables aux appareils radio exempts de licence.

Son utilisation est sujette aux deux conditions suivantes : (1) cet appareil ne doit pas créer d'interférences et (2) cet appareil doit tolérer tout type d'interférences, y compris celles susceptibles de provoquer un fonctionnement non souhaité de l'appareil.

Les dispositifs fonctionnant dans la bande de 5 150 à 5 250 MHz sont réservés uniquement pour une utilisation à l'intérieur afin de réduire les risques de brouillage préjudiciable aux systèmes de satellites mobiles utilisant les mêmes canaux.

Informations concernant l'exposition aux fréquences radio (RF)

La puissance de sortie émise par l'appareil de sans fil ASUS est inférieure à la limite d'exposition aux fréquences radio d'Industry Canada (IC). Utilisez l'appareil de sans fil ASUS de façon à minimiser les contacts humains lors du fonctionnement normal.

Cet équipement doit être installé et utilisé avec une distance minimale de 20cm entre le radiateur et toute partie de votre corps.

Ce périphérique est homologué pour l'utilisation au Canada. Pour consulter l'entrée correspondant à l'appareil dans la liste d'équipement radio (REL - Radio Equipment List) d'Industry Canada rendez-vous sur:

<http://www.ic.gc.ca/app/sitt/reltel/srch/nwRdSrch.do?lang=eng>

Pour des informations supplémentaires concernant l'exposition aux RF au Canada rendezvous sur :

<http://www.ic.gc.ca/eic/site/smt-gst.nsf/eng/sf08792.html>

Precautions for the use of the device

- Do not use the ASUS product in this situation (Driving, in airports, hospitals, gas stations and professional garages).
- Medical device interference: Maintain a minimum distance of at least 15 cm (6 inches) between implanted medical devices and ASUS products in order to reduce the risk of interference, especially, during the phone call.
- Kindly use ASUS products in good reception conditions in order to minimize the radiation's level.
- Use the hand-free device, especially, during the communication situation, in order to keep the device away from pregnant women and the lower abdomen of the teenager (Especially, using cell phone).

NCC 警語

低功率射頻器材技術規範

「取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。」

*應避免影響附近雷達系統之操作。

此設備的安裝與操作要離使用者之最小距離為 21 公分；電磁波曝露量MPE標準值 1 mWcm²，送測產品實測值為：0.621 mWcm²。

「產品之限用物質含有情況」之相關資訊 請參考下表：

單元	限用物質及其化學符號					
	鉛 (Pb)	汞 (Hg)	鎘 (Cd)	六價鉻 (Cr ⁺⁶)	多溴聯苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
印刷電路板及 電子組件	—	○	○	○	○	○
外殼	○	○	○	○	○	○
天線	—	○	○	○	○	○
其他及其配件	—	○	○	○	○	○
備考1. "○" 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。 備考2. "—" 係指該項限用物質為排除項目。						



D33005
RoHS



电子电气产品有害物质限制使用标识:图中之数字为产品之环保使用期限。仅指电子电气产品中含有的有害物质不致发生外泄或突变，从而对环境造成污染或对人身、财产造成严重损害的期限。

部件名称	有害物质					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
印刷电路板及其 电子组件	×	○	○	○	○	○
外壳	○	○	○	○	○	○
电源适配器	×	○	○	○	○	○
外部信号连接 头及线材	×	○	○	○	○	○
中央处理器与 内容	×	○	○	○	○	○

GNU General Public License

Licensing information

This product includes copyrighted third-party software licensed under the terms of the GNU General Public License. Please see The GNU General Public License for the exact terms and conditions of this license. All future firmware updates will also be accompanied with their respective source code. Please visit our web site for updated information. Note that we do not offer direct support for the distribution.

GNU GENERAL PUBLIC LICENSE

Version 2, June 1991

Copyright (C) 1989, 1991 Free Software Foundation, Inc.

59 Temple Place, Suite 330, Boston, MA 02111-1307 USA

Everyone is permitted to copy and distribute verbatim copies of this license document, but changing it is not allowed.

Preamble

The licenses for most software are designed to take away your freedom to share and change it. By contrast, the GNU General Public License is intended to guarantee your freedom to share and change free software—to make sure the software is free for all its users. This General Public License applies to most of the Free Software Foundation's software and to any other program whose authors commit to using it. (Some other Free Software Foundation software is covered by the GNU Library General Public License instead.) You can apply it to your programs, too.

When we speak of free software, we are referring to freedom, not price. Our General Public Licenses are designed to make sure that you have the freedom to distribute copies of free software (and charge for this service if you wish), that you receive source code or

can get it if you want it, that you can change the software or use pieces of it in new free programs; and that you know you can do these things.

To protect your rights, we need to make restrictions that forbid anyone to deny you these rights or to ask you to surrender the rights. These restrictions translate to certain responsibilities for you if you distribute copies of the software, or if you modify it.

For example, if you distribute copies of such a program, whether gratis or for a fee, you must give the recipients all the rights that you have. You must make sure that they, too, receive or can get the source code. And you must show them these terms so they know their rights.

We protect your rights with two steps: (1) copyright the software, and (2) offer you this license which gives you legal permission to copy, distribute and/or modify the software.

Also, for each author's protection and ours, we want to make certain that everyone understands that there is no warranty for this free software. If the software is modified by someone else and passed on, we want its recipients to know that what they have is not the original, so that any problems introduced by others will not reflect on the original authors' reputations.

Finally, any free program is threatened constantly by software patents. We wish to avoid the danger that redistributors of a free program will individually obtain patent licenses, in effect making the program proprietary. To prevent this, we have made it clear that any patent must be licensed for everyone's free use or not licensed at all.

The precise terms and conditions for copying, distribution and modification follow.

Terms & conditions for copying, distribution, & modification

0. This License applies to any program or other work which contains a notice placed by the copyright holder saying it may be distributed under the terms of this General Public License. The “Program”, below, refers to any such program or work, and a “work based on the Program” means either the Program or any derivative work under copyright law: that is to say, a work containing the Program or a portion of it, either verbatim or with modifications and/or translated into another language. (Hereinafter, translation is included without limitation in the term “modification”.) Each licensee is addressed as “you”.

Activities other than copying, distribution and modification are not covered by this License; they are outside its scope. The act of running the Program is not restricted, and the output from the Program is covered only if its contents constitute a work based on the Program (independent of having been made by running the Program). Whether that is true depends on what the Program does.

1. You may copy and distribute verbatim copies of the Program's source code as you receive it, in any medium, provided that you conspicuously and appropriately publish on each copy an appropriate copyright notice and disclaimer of warranty; keep intact all the notices that refer to this License and to the absence of any warranty; and give any other recipients of the Program a copy of this License along with the Program.

You may charge a fee for the physical act of transferring a copy, and you may at your option offer warranty protection in exchange for a fee.

2. You may modify your copy or copies of the Program or any portion of it, thus forming a work based on the Program, and copy and distribute such modifications or work under the terms of Section 1 above, provided that you also meet all of these conditions:
 - a) You must cause the modified files to carry prominent notices stating that you changed the files and the date of any change.
 - b) You must cause any work that you distribute or publish, that in whole or in part contains or is derived from the Program or any part thereof, to be licensed as a whole at no charge to all third parties under the terms of this License.
 - c) If the modified program normally reads commands interactively when run, you must cause it, when started running for such interactive use in the most ordinary way, to print or display an announcement including an appropriate copyright notice and a notice that there is no warranty (or else, saying that you provide a warranty) and that users may redistribute the program under these conditions, and telling the user how to view a copy of this License. (Exception: if the Program itself is interactive but does not normally print such an announcement, your work based on the Program is not required to print an announcement.)

These requirements apply to the modified work as a whole. If identifiable sections of that work are not derived from the Program, and can be reasonably considered independent and separate works in themselves, then this License, and its terms, do not apply to those sections when you distribute them as separate works. But when you distribute the same sections as part of a whole which is a work based on the Program, the distribution of the whole must be on the terms of this License, whose permissions for other licensees extend to the entire whole, and thus to each and every part regardless of who wrote it.

Thus, it is not the intent of this section to claim rights or contest your rights to work written entirely by you; rather, the intent is to exercise the right to control the distribution of derivative or collective works based on the Program.

In addition, mere aggregation of another work not based on the Program with the Program (or with a work based on the Program) on a volume of a storage or distribution medium does not bring the other work under the scope of this License.

3. You may copy and distribute the Program (or a work based on it, under Section 2) in object code or executable form under the terms of Sections 1 and 2 above provided that you also do one of the following:
 - a) Accompany it with the complete corresponding machine-readable source code, which must be distributed under the terms of Sections 1 and 2 above on a medium customarily used for software interchange; or,
 - b) Accompany it with a written offer, valid for at least three years, to give any third party, for a charge no more than your cost of physically performing source distribution, a complete machine-readable copy of the corresponding source code, to be distributed under the terms of Sections 1 and 2 above on a medium customarily used for software interchange; or,
 - c) Accompany it with the information you received as to the offer to distribute corresponding source code. (This alternative is allowed only for noncommercial distribution and only if you received the program in object code or executable form with such an offer, in accord with Subsection b above.)

The source code for a work means the preferred form of the work for making modifications to it. For an executable work, complete source code means all the source code for all modules it contains, plus any associated interface definition files, plus the scripts used to control compilation and installation of the executable. However, as a special exception, the source code distributed need not include anything that is normally distributed (in either source or binary form) with the major components (compiler, kernel, and so on) of the operating system on which the executable runs, unless that component itself accompanies the executable.

If distribution of executable or object code is made by offering access to copy from a designated place, then offering equivalent access to copy the source code from the same place counts as distribution of the source code, even though third parties are not compelled to copy the source along with the object code.

4. You may not copy, modify, sublicense, or distribute the Program except as expressly provided under this License. Any attempt otherwise to copy, modify, sublicense or distribute the Program is void, and will automatically terminate your rights under this License. However, parties who have received copies, or rights, from you under this License will not have their licenses terminated so long as such parties remain in full compliance.
5. You are not required to accept this License, since you have not signed it. However, nothing else grants you permission to modify or distribute the Program or its derivative works. These actions are prohibited by law if you do not accept this License. Therefore, by modifying or distributing the Program (or any work based on the Program), you indicate your acceptance of this License to do so, and all its terms and conditions for copying, distributing or modifying the Program or works based on it.
6. Each time you redistribute the Program (or any work based on the Program), the recipient automatically receives a license from the original licensor to copy, distribute or modify the Program subject to these terms and conditions. You may not impose any further restrictions on the recipients' exercise of the rights granted herein. You are not responsible for enforcing compliance by third parties to this License.

7. If, as a consequence of a court judgment or allegation of patent infringement or for any other reason (not limited to patent issues), conditions are imposed on you (whether by court order, agreement or otherwise) that contradict the conditions of this License, they do not excuse you from the conditions of this License. If you cannot distribute so as to satisfy simultaneously your obligations under this License and any other pertinent obligations, then as a consequence you may not distribute the Program at all. For example, if a patent license would not permit royalty-free redistribution of the Program by all those who receive copies directly or indirectly through you, then the only way you could satisfy both it and this License would be to refrain entirely from distribution of the Program.

If any portion of this section is held invalid or unenforceable under any particular circumstance, the balance of the section is intended to apply and the section as a whole is intended to apply in other circumstances.

It is not the purpose of this section to induce you to infringe any patents or other property right claims or to contest validity of any such claims; this section has the sole purpose of protecting the integrity of the free software distribution system, which is implemented by public license practices. Many people have made generous contributions to the wide range of software distributed through that system in reliance on consistent application of that system; it is up to the author/donor to decide if he or she is willing to distribute software through any other system and a licensee cannot impose that choice.

This section is intended to make thoroughly clear what is believed to be a consequence of the rest of this License.

8. If the distribution and/or use of the Program is restricted in certain countries either by patents or by copyrighted interfaces, the original copyright holder who places the Program under this License may add an explicit geographical distribution limitation excluding those countries, so that distribution is permitted only in or among countries not thus excluded. In such case, this License incorporates the limitation as if written in the body of this License.

9. The Free Software Foundation may publish revised and/or new versions of the General Public License from time to time. Such new versions will be similar in spirit to the present version, but may differ in detail to address new problems or concerns.

Each version is given a distinguishing version number. If the Program specifies a version number of this License which applies to it and “any later version”, you have the option of following the terms and conditions either of that version or of any later version published by the Free Software Foundation. If the Program does not specify a version number of this License, you may choose any version ever published by the Free Software Foundation.

10. If you wish to incorporate parts of the Program into other free programs whose distribution conditions are different, write to the author to ask for permission.

For software which is copyrighted by the Free Software Foundation, write to the Free Software Foundation; we sometimes make exceptions for this. Our decision will be guided by the two goals of preserving the free status of all derivatives of our free software and of promoting the sharing and reuse of software generally.

NO WARRANTY

11. BECAUSE THE PROGRAM IS LICENSED FREE OF CHARGE, THERE IS NO WARRANTY FOR THE PROGRAM, TO THE EXTENT PERMITTED BY APPLICABLE LAW. EXCEPT WHEN OTHERWISE STATED IN WRITING THE COPYRIGHT HOLDERS AND/OR OTHER PARTIES PROVIDE THE PROGRAM "AS IS" WITHOUT WARRANTY OF ANY KIND, EITHER EXPRESSED OR IMPLIED, INCLUDING, BUT NOT LIMITED TO, THE IMPLIED WARRANTIES OF MERCHANTABILITY AND FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE. THE ENTIRE RISK AS TO THE QUALITY AND PERFORMANCE OF THE PROGRAM IS WITH YOU. SHOULD THE PROGRAM PROVE DEFECTIVE, YOU ASSUME THE COST OF ALL NECESSARY SERVICING, REPAIR OR CORRECTION.

12. IN NO EVENT UNLESS REQUIRED BY APPLICABLE LAW OR AGREED TO IN WRITING WILL ANY COPYRIGHT HOLDER, OR ANY OTHER PARTY WHO MAY MODIFY AND/OR REDISTRIBUTE THE PROGRAM AS PERMITTED ABOVE, BE LIABLE TO YOU FOR DAMAGES, INCLUDING ANY GENERAL, SPECIAL, INCIDENTAL OR CONSEQUENTIAL DAMAGES ARISING OUT OF THE USE OR INABILITY TO USE THE PROGRAM (INCLUDING BUT NOT LIMITED TO LOSS OF DATA OR DATA BEING RENDERED INACCURATE OR LOSSES SUSTAINED BY YOU OR THIRD PARTIES OR A FAILURE OF THE PROGRAM TO OPERATE WITH ANY OTHER PROGRAMS), EVEN IF SUCH HOLDER OR OTHER PARTY HAS BEEN ADVISED OF THE POSSIBILITY OF SUCH DAMAGES.

END OF TERMS AND CONDITIONS

Thông tin an toàn

Khi sử dụng sản phẩm này, hãy luôn tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn cơ bản, kể cả nhưng không giới hạn ở những điều sau:



CẢNH BÁO!

- Phải cắm (các) dây bộ nguồn vào (các) ổ cắm điện có nối đất phù hợp. Chỉ kết nối thiết bị với ổ cắm điện gần đó nơi bạn dễ tiếp cận.
- Nếu adapter nguồn bị hỏng, không được tự ý sửa chữa nó. Liên hệ với nhân viên bảo trì chuyên nghiệp hoặc đại lý bán lẻ của bạn.
- KHÔNG sử dụng các dây điện, thụ kiện hoặc các thiết bị ngoại vi khác bị hỏng.
- KHÔNG gắn thiết bị này lên cao hơn 2 mét.
- Sử dụng sản phẩm này trong các môi trường có nhiệt độ xung quanh từ 0°C (32°F) đến 40°C (104°F).
- Đọc hướng dẫn sử dụng và phạm vi nhiệt độ có sẵn trước khi sử dụng sản phẩm.
- Đặc biệt chú ý đến sự an toàn cá nhân khi sử dụng thiết bị này tại sân bay, bệnh viện, trạm xăng và gara chuyên nghiệp.
- Nhiều thiết bị y tế: Duy trì khoảng cách tối thiểu ít nhất 15 cm (6 inch) giữa các thiết bị cấy ghép y tế và các sản phẩm ASUS để giúp giảm nguy cơ nhiễu sóng.
- Vui lòng sử dụng các sản phẩm ASUS trong điều kiện thu sóng tốt để giúp giảm thiểu mức độ bức xạ.
- Đặt thiết bị tránh xa phụ nữ mang thai và vùng bụng dưới của thanh thiếu niên.
- KHÔNG sử dụng sản phẩm này nếu bạn có thể nhìn thấy rõ các lỗi trên sản phẩm hoặc sản phẩm bị ướt, bị hỏng hoặc bị sửa đổi. Tìm kiếm dịch vụ sửa chữa để được hỗ trợ.



CẢNH BÁO!

- KHÔNG đặt máy tính ở nơi làm việc không bằng phẳng hoặc không chắc chắn.
 - KHÔNG đặt hoặc thả các vật dụng lên sản phẩm. Tránh để sản phẩm bị va chạm cơ học như nghiền nát, uốn cong, đâm thủng hoặc cắt nhỏ.
 - KHÔNG tháo rời, mở, cho vào lò vi sóng, đốt, sơn hoặc nhét bất kỳ vật lạ nào vào sản phẩm này.
 - Xem nhãn công suất ở phía dưới sản phẩm của bạn và đảm bảo adapter nguồn phù hợp với công suất đó.
 - Đặt sản phẩm tránh xa các nguồn lửa và nhiệt.
 - KHÔNG đặt hoặc sử dụng máy tính gần chất lỏng, nước hoặc hơi ẩm. KHÔNG sử dụng sản phẩm trong khi có giông bão.
 - Kết nối riêng các mạch đầu ra PoE của sản phẩm này với mạng PoE mà không cần định tuyến đến các cơ sở bên ngoài.
 - Để phòng tránh nguy cơ giật điện, hãy rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi di dời hệ thống.
 - Chỉ sử dụng các phụ kiện đã được nhà sản xuất thiết bị cấp phép để hoạt động tốt với mẫu thiết bị này. Sử dụng các loại phụ kiện khác có thể vô hiệu hóa chế độ bảo hành hoặc vi phạm các quy định và luật pháp địa phương, đồng thời có thể gây ra rủi ro về an toàn. Hãy liên hệ với đại lý bán lẻ tại địa phương để biết các phụ kiện chính hãng có sẵn hay không.
 - Sử dụng sản phẩm này theo cách không được khuyến nghị trong các hướng dẫn kèm theo có thể dẫn đến nguy cơ hỏa hoạn hoặc gây thương tích cá nhân.
-

Dịch vụ và Hỗ trợ

Truy cập trang web đa ngôn ngữ của chúng tôi tại
<https://www.asus.com/support/>.

